

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Tuy Phước
đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020**

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của UBND huyện Tuy Phước tại Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 04/11/2020 về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

Trên cơ sở Văn bản thẩm tra kết quả xây dựng nông thôn mới của các Sở, ngành của tỉnh, báo cáo thẩm tra về kết quả xây dựng nông thôn mới và hồ sơ, thủ tục đề nghị xét, công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 của Đoàn Thẩm tra tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo, như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 09/11/2020 đến ngày 25/12/2020).

1. Về hồ sơ: Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Tuy Phước đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, hồ sơ gồm:

(1) Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 04/11/2020 của UBND huyện Tuy Phước về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

(2) Báo cáo số 95/BC-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện Tuy Phước về kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 của huyện Tuy Phước;

(3) Báo cáo số 255/BC-UBND ngày 29/10/2020 của UBND huyện Tuy Phước về việc tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

(4) Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện Tuy Phước;

(5) Biên bản cuộc họp ngày 29/10/2020 của UBND huyện Tuy Phước về việc đề nghị xét, công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

(6) Báo cáo số 94/BC-UBND ngày 15/4/2021 của UBND huyện Tuy Phước về tình hình huy động các nguồn lực, nợ xây dựng cơ bản và cân đối nguồn lực trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tuy Phước;

(7) Video clip và ảnh minh họa một số kết quả chủ yếu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tuy Phước.

2. Về kết quả công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 11 xã.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là 11 xã, cụ thể như sau: năm 2014: 01 xã; năm 2015: 03 xã; năm 2016: 02 xã; năm 2019: 04 xã; năm 2020: 01 xã.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 11/11 xã, đạt 100%.

3. Về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện

3.1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngay từ khi triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Phước đã chỉ đạo tổ chức hội nghị quán triệt Nghị quyết các cấp đến các cấp ủy đảng và chi, đảng bộ; Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể huyện đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình. Huyện ủy đã ban hành Chương trình hành động về xây dựng nông thôn mới; thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của huyện hàng năm; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước. UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy; thành lập Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới huyện; kiện toàn Tổ công tác, Đoàn thẩm tra, đảm bảo thực hiện Chương trình đồng bộ, hiệu quả; chỉ đạo kiện toàn, củng cố Ban chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã và Ban phát triển thôn của 11/11 xã. Bên cạnh đó, đã chỉ đạo UBND huyện ban hành các cơ chế chính sách để hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới; đồng thời triển khai việc phân bổ các nguồn vốn hỗ trợ

của Trung ương, của tỉnh cho các xã để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân kịp thời và theo đúng quy định.

- Các Ban xây dựng Đảng, HĐND thường xuyên kiểm tra giám sát các địa phương, các hội, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền vận động hội viên tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, các mô hình hay, cách làm sáng tạo được phát huy nhân rộng.

- Thường trực Ban chỉ đạo huyện đã kịp thời tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện các văn bản của cấp trên triển khai đến các xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đã đề ra. Thường xuyên nắm bắt tình hình thực hiện, tiến độ ở các địa phương qua đó tham mưu cho Ban chỉ đạo huyện đưa ra các giải pháp để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Chương trình.

- Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, coi trọng phát triển các sản phẩm chủ lực, ưu tiên các mô hình sản xuất theo chuỗi, nông nghiệp công nghệ cao, thương hiệu, nhãn mác hàng hóa,... Thu hút và triển khai các dự án đầu tư lớn để chuyển dịch lao động nông thôn, mở rộng thị trường khu vực nông thôn phát triển. Đây được coi là giải pháp đột phá trong xây dựng nông thôn mới; đồng thời, xác định xây dựng nông thôn phải dựa trên các giá trị văn hóa truyền thống của quê hương làm giàu thêm các giá trị văn hóa làng, xã; từ đó tình làng, nghĩa xóm ngày càng keo sơn gắn bó và cũng từ điều này mà chủ thể xây dựng nông thôn mới của người dân được phát huy một cách hiệu quả và bền vững.

- Phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” do Ban Chỉ đạo huyện phát động đã có tác động đến sự quan tâm, hỗ trợ về nguồn lực và động viên tinh thần của toàn xã hội đối với nông dân, nông thôn. Hệ thống thông tin tuyên truyền về nông thôn mới hoạt động phong phú, liên tục đã động viên rất tích cực, kịp thời đến phong trào xây dựng nông thôn mới. Qua đó đã phát huy được nhiều cách làm sáng tạo góp phần huy động được nhiều nguồn lực đóng góp cho xây dựng nông thôn mới. Ban chỉ đạo huyện tổ chức hội nghị tổng kết chương trình theo từng giai đoạn để đánh giá, tôn vinh những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện Nghị quyết Đảng bộ huyện lần thứ XXI, giai đoạn 2016 - 2020, huyện đã chỉ đạo quyết liệt, với quyết tâm chính trị và sự đồng thuận cao của nhân dân. Nhiều cách làm hay, cách làm sáng tạo được phát huy, các giải pháp được tập trung triển khai đồng bộ nhằm góp phần hoàn thành mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới đã được cán bộ và Nhân dân đồng tình hưởng ứng.

3.2. Về huy động nguồn vốn:

Tổng kinh phí huy động thực hiện Chương trình từ giai đoạn 2011 - 2020 là: 5.252.220 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Vốn trực tiếp và vốn lồng ghép từ các dự án để thực hiện chương trình là: 3.492.000 triệu đồng, chiếm 66,49%, trong đó:

+ Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 288.316 triệu đồng, chiếm: 8,3%.

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 505.426 triệu đồng, chiếm: 14,5%.

- + Nguồn vốn ngân sách huyện: 2.024.190 triệu đồng, chiếm: 58,0%.
- + Nguồn vốn ngân sách xã: 608.840 triệu đồng, chiếm: 17,4%.
- + Nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 6.191 triệu đồng, chiếm 0,18%.
- + Huy động đóng góp của cộng đồng dân cư: 59.070 triệu đồng, chiếm 1,69%, trong đó: đóng góp bằng tiền 19.800 triệu đồng và đóng góp bằng hiện vật, bao gồm: hiến đất, tường rào để xây dựng, ngày công, cây cối... được quy ra bằng tiền là 39.200 triệu đồng.
- Vốn tín dụng (bao gồm tín dụng ưu đãi và tín dụng thương mại): 1.760.170 triệu đồng, chiếm 33,51%.

3.3. Về kết quả thẩm tra các tiêu chí xã nông thôn mới (theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định)

Toàn huyện có 11 xã, đến nay 11 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới một cách thuyết phục, tính bền vững cao; các xã sau khi đạt chuẩn đều tiếp tục nỗ lực phấn đấu nâng cao chất lượng các tiêu chí. Một số kết quả nổi bật tại các xã như sau:

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã đảm bảo chất lượng và tổ chức quản lý quy hoạch tốt, không để xảy ra vi phạm về quy hoạch.

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng và có những chuyển biến vượt bậc, tỷ trọng giá trị sản xuất các ngành (theo giá thực tế) tăng dần theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp xây dựng, thương mại dịch vụ; giảm dần tỷ trọng nông lâm thủy sản (Năm 2010: Nông lâm thủy sản 38,6%; Công nghiệp xây dựng 43,9%; thương mại dịch vụ 17,5%. Năm 2020: Nông lâm thủy sản 28,5%; Công nghiệp xây dựng 50,0%; thương mại dịch vụ 21,5%). Năng suất sản lượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản luôn ổn định ở mức cao (năng suất lúa bình quân năm 2020 đạt 70,7 tạ, tăng 5,7 tạ/ha so với năm 2010). Kinh tế tập thể hoạt động tương đối ổn định theo Luật Hợp tác xã năm 2012, đáp ứng nhu cầu các khâu dịch vụ nông nghiệp, liên kết sản xuất; một số Hợp tác xã nông nghiệp sản xuất, kinh doanh các dịch vụ khác, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân trên 1 ha giai đoạn 2011-2020 tăng dần qua các năm từ 72,4 triệu đồng năm 2010 tăng lên 156,3 triệu đồng vào năm 2020.

- Sản xuất công nghiệp - xây dựng - thương mại - dịch vụ và làng nghề: có sự tăng trưởng và phát triển về quy mô, số lượng, chất lượng (tăng từ 135 Doanh nghiệp và 8.985 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể năm 2010 lên 536 Doanh nghiệp và 11.331 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể vào năm 2020).

- Kết cấu hạ tầng được xây dựng, nâng cấp đồng bộ, cơ bản đều đạt chuẩn với mức độ cao hơn tối thiểu quy định, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn 100% đường trục xã, liên xã đạt chuẩn, trong đó: có nhiều tuyến đường có mức độ chuẩn cao (chiều rộng nền đường có nhiều tuyến rộng trên 9,0m, mặt đường trên 5,0m), tỷ lệ đường trục thôn, liên thôn được nhựa hóa, bê tông hóa đạt tỷ lệ cao 99,3%, cơ bản các tuyến đường đều có rãnh tiêu thoát nước, hệ thống chiếu sáng; các nhà văn hóa, nhất là nhà văn hóa thôn đều được xây dựng, nâng cấp khang trang, hoạt động hiệu quả...

- Thu nhập bình quân đầu người 11 xã của huyện năm 2020: 45,8 triệu đồng/người/năm (tăng 27 triệu đồng/người/năm so với năm 2011 (18,8 triệu đồng/người/năm)). Tỷ lệ hộ nghèo 11 xã của huyện năm 2020: 1,92% (giảm 7,92% so với năm 2011 (9,84%)).

- Môi trường, nhất là môi trường trong khu dân cư đảm bảo, công tác phân loại rác thải, xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình khá hiệu quả; 92,97% hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đều có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo đạt các quy định về bảo vệ môi trường.

- Giữ gìn và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với du lịch: Hiện nay trên địa bàn huyện Tuy Phước có 16 di tích lịch sử văn hóa cách mạng (4 cấp quốc gia, 12 cấp tỉnh). Hệ thống danh thắng huyện Tuy Phước hết sức phong phú và đa dạng như khu sinh thái Cồn Chim, Tiểu chủng viện Làng Sông (nơi có nhà máy in chữ quốc ngữ đầu tiên tại miền Trung), khu du lịch sinh thái Diêm Vân... nơi có nhiều di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu như: Nghệ thuật Tuồng, Bài chòi cổ dân gian, Chèo bả trạo, lễ hội Chợ Gò, lễ hội Chùa Bà..., bên cạnh đó, có một số làng nghề truyền thống ngày càng phát triển như: làng nghề nem, chả chợ Huyện, làng nghề bánh tráng Kim Tây, làng trồng hoa Bình Lâm (đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Nhằm phát huy các giá trị văn hóa truyền thống để kết hợp phát triển du lịch tại địa phương, trong thời gian qua, Sở Văn hóa và Thể thao đã phối hợp với UBND huyện, đồng thời chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện tích cực nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, bảo tồn và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống của huyện, như: bài chòi dân gian, tuồng, Chèo bả trạo, hát bội, võ thuật cổ truyền Bình Định... Thực hiện tốt công tác bảo vệ, trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị di tích trên địa bàn huyện, thu hút được sự quan tâm của các ngành, các cấp, các tầng lớp Nhân dân trong việc phát huy các giá trị di tích đối với công tác giáo dục truyền thống; xây dựng các sản phẩm du lịch dựa trên di tích văn hóa lịch sử, các loại hình nghệ thuật đưa vào phục vụ du khách; kết nối, thu hút đông đảo các tầng lớp Nhân dân trong huyện tham gia các lễ hội truyền thống, như: Chợ Gò, đua thuyền, Đô thị Nước mặn, cầu ngư, hội đánh bài chòi cổ dân gian, các trò chơi dân gian... các lễ hội và làng nghề truyền thống của huyện.

Hàng năm, huyện duy trì tổ chức các Lễ hội truyền thống tại địa phương nhằm phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương, phục vụ cho du khách và bà con nhân dân trong những ngày vui Xuân, đón Tết như: Lễ hội Chợ Gò truyền thống (Mùng 1 Tết) tại Thôn Phong Thạnh, thị trấn Tuy Phước; Hội thi dựng câu Nêu ngày tết trong Lễ Hội Chợ Gò; Lễ hội Đua thuyền truyền thống (Mùng 2 Tết) tại sông Gò Bồi, xã Phước Hòa; Lễ hội “Đô Thị Nước Mặn” (ngày 29/1 đến Mùng 3 tháng 2 Âm lịch) tại thôn An Hòa, xã Phước Quang; Lễ hội Cầu Ngư (ngày 25/2 Âm lịch) tại thôn Bình Thái, xã Phước Thuận...

Việc bảo quản, duy trì, tổ chức các hoạt động tại các di tích lịch sử văn hóa được triển khai thường xuyên, như phục vụ du khách tham quan, dâng hương: Đền Thờ Đào Tấn, Nhà Lưu Niệm Chi bộ Đề pô Diêu Trì, Nhà Lưu

Niệm Xuân Diệu, Cụ Nguyễn Diêu, Danh nhân văn hóa Đào Tấn, Cụ Lê Đại Cang, Nhà thơ Xuân Diệu. Tổ chức Liên hoan “Hội thi đánh bài chòi cổ dân gian” huyện, đến nay đã tổ chức Liên hoan lần thứ V; đến năm 2020 bộ phận văn hóa văn nghệ cũng đã hướng dẫn chuyên môn và thủ tục thành lập mới 03 câu lạc bộ bài chòi dân gian ở các xã, thị trấn phục vụ bà con trong các dịp lễ, tết, hội của địa phương; góp phần bảo tồn nghệ thuật hô hát bài chòi, một loại hình nghệ thuật độc đáo được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ, trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị di tích trên địa bàn huyện, bằng nguồn kinh phí của Trung ương, của tỉnh và của địa phương đã hoàn thiện công tác tu bổ, trùng tu di tích Tháp Bánh Ít (xã Phước Hiệp), Tháp Bình Lâm (xã Phước Hòa), lăng mộ Lê Công Miễn (xã Phước Hiệp), nâng cấp, mở rộng đường vào lăng mộ Lê Đại Cang (xã Phước Hiệp), tu bổ và mở rộng khuôn viên Khu tưởng niệm Vụ thẩm sát Nho Lâm (xã Phước Hưng, di tích lịch sử Chùa Bà, di tích lịch sử Nước mặn - Nơi phôi thai chữ quốc ngữ (xã Phước Quang), Nhà Lưu niệm Nhà thơ Xuân Diệu (xã Phước Hòa), Tiểu chủng viện Làng Sông (xã Phước Thuận) lăng mộ Phó tướng Lê Tuyên (xã Phước Nghĩa), lăng mộ cụ Nguyễn Diêu (xã Phước Sơn), đường vào lăng mộ Lê Công Miễn (xã Phước Hiệp), xây dựng các sản phẩm du lịch dựa trên di tích lịch sử văn hóa, các loại hình nghệ thuật đưa vào phục vụ du khách; kết nối, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân trong huyện tham gia các lễ hội truyền thống, như: Chợ Gò, đua thuyền, Đô thị Nước mặn, cầu ngư, hội đánh bài chòi cổ dân gian, các trò chơi dân gian...; tập trung xây dựng đội ngũ vận động viên và tham gia thi đấu các giải tỉnh, giải Quốc gia các môn thể thao thành tích cao như bóng đá, bóng chuyền, Võ cổ truyền.

3.3.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn: Đạt

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Quy hoạch nông thôn mới cấp xã được lập, phê duyệt đúng quy định, chất lượng tốt thực hiện song hành cùng với Đề án xây dựng nông thôn mới; việc công bố, công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch đúng quy định, đối với quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã được phổ biến rộng rãi và đăng bản đồ quy hoạch tại trung tâm xã và nhà văn hóa các thôn, xóm để nhân dân biết và thực hiện, lập kế hoạch và tổ chức cắm mốc thực địa theo quy hoạch được phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân các xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch trình UBND huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện, quản lý quy hoạch theo quy chế. Đồng thời, trong quá trình tổ chức thực hiện, các xã đã thường xuyên rà soát và điều chỉnh kịp thời những bất cập trong quy hoạch; việc thực hiện quy hoạch được tuân thủ, không vi phạm quy hoạch.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 - Quy hoạch.

3.3.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại quanh năm: Đạt 100%;

- Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại quanh năm: Đạt 70%;

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: Đạt 100% (trong đó $\geq 70\%$ được cứng hóa);

- Đường trục chính nội đồng: đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: Đạt 100% (trong đó $\geq 70\%$ được cứng hóa).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa là 136,19km/136,19 km, đạt tỷ lệ 100%, (tăng 17,68% so năm 2011) đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục thôn, đường liên thôn đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là (163,09/163,09) km đạt tỷ lệ 100%; (trong đó, đã được bê tông hóa, cứng hóa là (161,89/163,09) km đạt tỷ lệ 99,3% (tăng 58,31% so năm 2011).

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa là (360,24/360,24) km đạt tỷ lệ 100% (trong đó, đã được bê tông hóa, cứng hóa là (358,80/360,24) km (đạt tỷ lệ 99,6% (tăng 88,37% so năm 2011).

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm là (132,28/132,28) km đạt tỷ lệ 100% (trong đó, đã được bê tông hóa, cứng hóa là (113,54/132,28) km đạt tỷ lệ 85,8% (tăng 85,8% so năm 2011).

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 - Giao thông.

3.3.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Qua 10 năm triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn toàn huyện hệ thống kênh mương đã được kiên cố hóa 240,04 km/308,67 km đạt 77,7%, tăng 199,85 km so với năm 2011. Hệ thống các công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, kênh mương đã xây dựng thường xuyên được nâng cấp, duy tu, sửa chữa, nạo vét để đảm bảo tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Đến nay, toàn huyện có 04 hồ chứa nước, dung tích thiết kế 2,52 triệu m³, có 11 đập dâng, 39 trạm bơm; Trong đó, sửa chữa, nâng cấp: 02 trạm bơm (2/9 Phước Thành, Thọ Nghĩa - Phước Nghĩa); 01 hồ chứa (Cây Da xã Phước Thành) và các đập dâng: Lễ Nghĩa - Phước Hiệp, Mỹ Cang - Phước Sơn và hàng ngàn

công nội đồng đảm bảo tưới tiêu phục vụ tốt cho sản xuất và phòng chống thiên tai.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động tại các xã là 7.052 ha/7.600 ha, đạt 92,7%;

- Hệ thống các công trình thủy lợi trên địa bàn các xã hiện nay đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh. Hàng năm, các xã đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng chống thiên tai; xây dựng các phương án ứng phó thiên tai, phương án xử lý các điểm xung yếu, phương án ứng phó với bão, lũ theo phương châm “4 tại chỗ”.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 - Thủy lợi

3.3.4. Tiêu chí số 4 - Điện

a) Yêu cầu của Tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn: Đạt.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn: Hệ thống điện trên địa bàn huyện do 03 đơn vị quản lý thực hiện, gồm: Công ty Điện lực Bình Định, HTX Nông nghiệp Phước Hưng và HTX Nông nghiệp Phước Quang. Hệ thống điện nông thôn từng bước được đầu tư nâng cấp, làm mới, các tuyến đường thôn, xóm có điện thấp sáng. Đến nay, các xã trên địa bàn huyện được đầu tư nhiều dự án khác nhau, như: Dự án Năng lượng nông thôn REII, Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia và các dự án của ngành điện như Tái Thiết Đức, xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, nhỏ, sửa chữa thường xuyên hệ thống đường dây, trạm biến áp,... Trên địa bàn huyện có 01 trạm 110 kV, là nguồn cung cấp điện đủ tải để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân; có 373 trạm biến áp phân phối (trong đó có 235 trạm biến áp ngành điện; 138 trạm biến áp khách hàng), 546,772 km đường dây hạ thế (trong đó có 542,98 km đường dây hạ thế 0,4 kV; 3,792 km đường dây hạ thế 0,2 kV), 216,238 km đường dây trung thế 22 kV (trong đó có 197,363 km đường dây trung thế tài sản ngành điện; 18,875 km đường dây trung thế tài sản khách hàng), đảm bảo 100% số xã có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của ngành.

- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn là 47.359/47.359 hộ, đạt 100% (năm 2011, đạt 100%).

Ngoài ra, đã vận động nhân dân tự đóng góp, thực hiện thấp sáng điện đường nông thôn, các tuyến đường thôn, xóm của 11 xã có điện thấp sáng, góp phần làm cho bộ mặt nông thôn khởi sắc.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 - Điện.

3.3.5. Tiêu chí số 5 - Trường học

a) *Yêu cầu của Tiêu chí:* Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia: Đạt $\geq 80\%$.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Qua 10 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn huyện Tuy Phước, đã xây mới 96 công trình với 272 phòng học, 44 phòng bộ môn, 15 khu hiệu bộ, 52 nhà ăn bán trú và các phòng chức năng khác, tổng kinh phí thực hiện trên 173.301,6 tỷ đồng. Các phòng học của các trường học cơ bản kiên cố hóa (trường mầm non có 120/161 phòng học theo đúng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011-trường Mầm non); 14/14 trường mầm non, mẫu giáo tổ chức ăn bán trú cho học sinh, khu vực bếp ăn bán trú của các trường mầm non đảm bảo, đúng theo tiêu chuẩn bếp ăn một chiều.

Toàn huyện có 53/53 trường được quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết, đạt tỷ lệ 100%.

Đến nay, toàn huyện có 50/53 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 94,34%, (trong đó: Mầm non 11/14 trường, tiểu học 26/26 trường, trung học cơ sở 13/13 trường), tăng 20 trường so với năm 2011; trong 50 trường đạt chuẩn quốc gia có 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (tỷ lệ 10%). Các trường còn lại có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%.

- Kết quả rà soát, đánh giá các trường đạt chuẩn quá 05 năm: 05 trường, cụ thể: Cấp tiểu học: 04 trường (Trường tiểu học số 1 Phước Lộc, Trường tiểu học số 2 Phước Thành, Trường tiểu học số 1 thị trấn Diêu Trì và Trường tiểu học số 1 thị trấn Tuy Phước); Cấp mầm non: 01 trường (Trường mầm non huyện Tuy Phước).

Đánh giá: 05 trường trên có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

- Kết quả rà soát, đánh giá các trường sáp nhập: 04 trường, cụ thể: Trường tiểu học số 3 Phước An sáp nhập vào Trường tiểu học số 2 Phước An; Trường tiểu học số 3 Phước Hiệp sáp nhập vào Trường tiểu học số 1 Phước Hiệp; Trường tiểu học số 3 Phước Thuận sáp nhập vào Trường tiểu học số 1 Phước Thuận; Trường tiểu học Hòa Thắng sáp nhập vào Trường tiểu học số 2 Phước Hòa.

Trường tiểu học số 1 Phước Hiệp đã được kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2019 (Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

Đánh giá: 04 trường sau sáp nhập có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

c) *Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:* Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 - Trường học.

3.3.6. Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã: Đạt.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Đạt.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: Đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã: Toàn huyện có 11/11 xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã xây dựng, nâng cấp đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phục vụ tốt điều kiện hoạt động văn hóa, thể thao cho nhân dân; trong đó, 10/11 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã được đầu tư xây dựng mới khang trang, 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã được sửa chữa, nâng cấp. Diện tích đất được bố trí bảo đảm theo quy định, hội trường đạt 200 chỗ ngồi; 100% Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã bố trí đầy đủ các phòng chức năng (hành chính, phòng đọc sách - thư viện, đài truyền thanh, câu lạc bộ,...), công trình phụ trợ và cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tổ chức các hoạt động cộng đồng thường xuyên và tổ chức các sự kiện tập trung, hội nghị toàn xã. Một số Trung tâm đủ điều kiện tổ chức các hoạt động, sự kiện có quy mô cấp huyện, tỉnh. 11/11 xã có khu thể thao diện tích trên 2.000m², xây dựng sân bóng đá xã bố trí từ 400m² trở lên.

Đến nay, 11/11 xã đã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL. Các Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã có quy chế tổ chức và hoạt động, có kế hoạch tổ chức các hoạt động trong thời gian qua (năm 2011, chỉ có 01 xã có Hội trường xã, Trung tâm học tập cộng đồng, trang thiết bị, cơ sở vật chất hạn chế).

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: 11/11 xã đã bố trí khu vui chơi giải trí dành cho người già và trẻ em, các điểm vui chơi có trang bị một số thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí để trẻ em, người cao tuổi tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao (năm 2011 toàn huyện chưa có các điểm vui chơi).

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: Toàn huyện có 91/91 thôn (đạt tỷ lệ 100%) có Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định (năm 2011 chỉ có 6/11 xã xây dựng trụ sở thôn kết hợp với các điểm trường Mẫu giáo để hội họp dân cư, các khu thể thao còn đơn giản); trong đó, 90% Nhà văn hóa thôn được xây dựng mới trong Chương trình nông thôn mới, còn lại được sửa chữa, nâng cấp; khuôn viên Nhà văn hóa từ 300m² trở lên, bố trí đạt 100 chỗ ngồi; Khu thể thao thôn đạt trên 500m². Một số địa phương liên kết sân đảm bảo thu hút đông đảo nhân dân đến tham gia sinh hoạt và tổ chức các hoạt động thường xuyên. Các nhà văn hóa thôn đều có công trình phụ trợ, trang thiết bị đầy đủ: 100% có công trình vệ

sinh, 50% có sân khấu ngoài trời, 75% nhà văn hóa thôn có tivi. Nhà văn hóa - Khu thể thao tại 91 thôn đã thành lập Ban Chủ nhiệm, xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động đảm bảo theo quy định; thiết chế được đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện và đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Hoạt động tại các Nhà văn hóa đảm bảo kết nối thường xuyên với Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, luyện tập thường xuyên của nhân dân.

Đến nay 91/91 thôn trên địa bàn huyện đều có Nhà văn hóa - Khu thể thao đảm bảo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 16/7/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, làng trên địa bàn tỉnh.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa.

3.3.7. Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí: Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Toàn huyện có 23 chợ theo quy hoạch được duyệt; trong đó đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp đáp ứng nhu cầu trao đổi mua bán 22 chợ; và hiện đang đầu tư xây dựng 01 chợ (chợ Quán Mới - xã Phước Lộc). Mỗi xã đều có 01 chợ trung tâm; đối với các xã diện tích lớn, dân số đông có 02 chợ/xã, đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế và các yêu cầu của tiêu chí; đã thành lập Ban quản lý chợ; cán bộ được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ quản lý chợ. Chợ có nội quy, phương án bố trí sắp xếp ngành hàng được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án PCCC. Các hộ kinh doanh trong chợ cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo vệ sinh môi trường, văn minh thương mại, phòng cháy chữa cháy.

Ngoài ra, trên địa bàn các xã còn có các cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định, các tổ chức, cá nhân kinh doanh đã chủ động đầu tư các cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa phù hợp với quy định, hướng dẫn của ngành; hàng hóa được bố trí sắp xếp khoa học, đáp ứng yêu cầu tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

3.3.8. Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính: Đạt

- Xã có dịch vụ viễn thông, internet: Đạt
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: Đạt
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Về chỉ tiêu xã có điểm phục vụ Bưu chính: 11/11 xã có dịch vụ bưu chính, viễn thông, internet đảm bảo cho việc cung ứng và sử dụng các dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông.

- Về chỉ tiêu có dịch vụ viễn thông, Internet: Trên địa bàn các xã được kết nối truyền dẫn đa dịch vụ, có mạng cáp quang, hạ tầng di động cung ứng các dịch vụ: điện thoại di động, internet ADSL, điện thoại cố định... ngoài ra còn có các cơ sở tiếp phát sóng viễn thông của Viettel, VNPT, Mobifone.....

- Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: 11/11 xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa được kết nối hoạt động đến các thôn, đảm bảo hoạt động thường xuyên, đảm bảo nhân dân trên địa bàn thường xuyên được cập nhật chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các tin tức từ Trung ương, tỉnh, huyện đến cơ sở. Có Ban biên tập hoạt động đúng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Hệ số máy tính/số cán bộ, công chức của 11 xã đạt trên 100%; 11/11 xã đã thành lập trang thông tin điện tử; có trang bị máy tính kết nối mạng LAN, mạng internet cho các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức phục vụ công việc, đảm bảo công tác trao đổi, truy cập, nắm bắt thông tin giữa các bộ phận và trên internet. Cán bộ, bộ phận chuyên môn xã đều có tài khoản truy cập hệ thống văn phòng điện tử liên thông để phục vụ công tác tiếp nhận, xử lý văn bản. 11/11 xã đều có hộp thư công vụ của xã.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông.

3.3.9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Nhà tạm, dột nát: không
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định: $\geq 80\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Thời gian qua, UBND các xã đã vận động Nhân dân tập trung nguồn lực để chỉnh trang nhà cửa, sân vườn; đầu tư xây dựng mới, nâng cấp nhà ở xuống cấp, đảm bảo diện tích bình quân đạt từ $14m^2$ /người trở lên, nhà đạt tiêu chuẩn 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng); có nhà bếp và nhà vệ sinh được bố trí phù hợp. Ngoài ra, thực hiện các chính sách khác của Trung ương, tỉnh về nhà ở dân cư. Đến nay, trên địa bàn huyện không có nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ xây dựng trên địa bàn toàn huyện có 43.647/44.120 nhà, đạt tỷ lệ 98,93% (xã đạt thấp nhất 92,5%, xã đạt cao nhất 100%).

c) *Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:* Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư.

3.3.10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đối với vùng duyên hải Nam trung bộ năm 2020 đạt 41 triệu đồng/người/năm.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Huyện luôn xác định phát triển kinh tế với trọng tâm là phát triển sản xuất là yếu tố cốt lõi trong xây dựng nông thôn mới góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp:

+ Trên lĩnh vực trồng trọt: Tuy Phước là huyện trọng điểm lúa của tỉnh, thế mạnh trong trồng trọt liên kết sản xuất lúa giống, lúa hàng hóa chất lượng cao. Vì vậy trong thời gian qua huyện tập trung chỉ đạo chuyển đổi 100% diện tích từ sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm, sử dụng giống lúa xác nhận, nguyên chủng đạt gần 100%. Đồng thời, hàng năm đưa các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất như: BC15, Đài thơm 8... , ứng dụng các quy trình sản xuất tiên tiến SRI, ICM, chương trình 3 giảm, 3 tăng đã mang lại hiệu quả đột phá bước đầu, năng suất lúa và các loại cây trồng tăng, ổn định về năng suất, chất lượng, năng suất lúa bình quân năm 2020 đạt 70,7 tạ/ha (tăng 5,7 tạ/ha so với năm 2010), sản lượng đạt trên 105.000 tấn. Đến nay, 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa từ khâu làm đất, thu hoạch lúa, máy cuốn rơm rạ góp phần tiết kiệm chi phí, giải phóng sức lao động, đảm bảo thời vụ, phòng tránh thiên tai, là tiền đề quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp hiện đại. Công tác chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng được chú trọng, chuyển đổi cây trồng cạn trên đất lúa thiếu nước; sử dụng các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao. Có HTX sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, gắn với ứng dụng công nghệ cao được đầu tư thâm canh sản xuất, cung ứng sản phẩm rau an toàn cho thị trường trong và ngoài tỉnh, giải quyết việc làm cho người dân và bảo vệ môi trường. Được UBND tỉnh phê duyệt 4 Dự án cánh đồng lớn cho cây lúa, 03 cánh đồng liên kết sản xuất lúa giống với tổng diện tích canh tác 750 ha, có 12/14 HTXNN liên kết sản xuất giống với các Công ty, tập đoàn sản xuất giống như: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Seed, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Seed, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ, Công ty Vật tư nông nghiệp An Giang, Công ty Giống cây trồng Miền Nam hàng năm liên kết sản xuất giống trên 1.200 ha áp dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, gắn với sản xuất theo chuỗi giá trị bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế, thu nhập tăng thêm trên 12 triệu đồng/ha góp phần ổn định sản xuất bền vững. Xây dựng và triển khai Đề án làng nghề trồng hoa Bình Lâm gắn phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất trên cơ sở tổ chức sản xuất và quản lý theo chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, tăng thu nhập cho người trồng hoa kiểng.

+ Trên lĩnh vực chăn nuôi: Công tác chỉ đạo phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, không để tái phát, lây lan dịch bệnh được quan tâm; chăn nuôi tiếp tục phát triển có bước chuyển mạnh mẽ; đã từng bước chuyển từ hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi gia trại gắn với thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh chương trình lai cải tạo đàn bò, nạc hóa đàn heo, triển khai Đề án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ... theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả, an toàn gắn với bảo vệ môi trường, mô hình hình chăn nuôi bò thịt chất lượng cao được ứng dụng rộng rãi; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và cung ứng giống gia cầm để cung ứng cho thị trường con giống tốt, an toàn dịch bệnh. Năm 2020, đàn bò 16.100 con (KH 16.000), bò lai trên 80% tổng đàn (KH 78%); đàn trâu 1.300 con; đàn lợn 30.000 con (KH 55.000); đàn gia cầm 1,75 triệu con (KH 1,7 triệu con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 9.700 tấn (KH 13.000 tấn). Trên địa bàn huyện có Công ty TNHH Giống Gia cầm Minh Dư có các cơ sở sản xuất trong và ngoài huyện với quy mô diện tích trên 150 ha, Hệ thống chăn nuôi, áp dụng theo công nghệ hiện đại Châu Âu, tự động hóa trong đó hệ thống chuồng trại chăn nuôi, hệ thống máy ấp nở, hệ thống phòng - kiểm soát dịch bệnh, kiểm tra chất lượng sản phẩm đã được đầu tư với công nghệ hiện đại, đồng bộ, khép kín cùng đội ngũ KCS được đào tạo chuyên nghiệp, đảm bảo cung cấp đến người chăn nuôi gà giống chất lượng cao, giống gà ta mang thương hiệu Minh Dư đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp giấy chứng nhận độc quyền và cung ứng cho thị trường toàn quốc và xuất khẩu. Bình quân mỗi năm Công ty Minh Dư cung cấp ra thị trường khoảng 100 triệu con gà giống thương phẩm 1 ngày tuổi chiếm khoảng 20% thị phần cả nước vươn lên trở thành 1 trong 4 doanh nghiệp gà lông màu lớn nhất Việt Nam và là doanh nghiệp dẫn đầu về giống gà thả vườn. Đây là điều kiện thúc đẩy chăn nuôi trên địa bàn giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân.

+ Trên lĩnh vực thủy sản: Về thủy sản, có bước phát triển khá, diện tích nuôi trồng thủy sản 1.001,1 ha; sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản đến năm 2020 là 6.190 tấn, tăng 0,92% so với năm 2011. Diện tích nuôi tôm trên đê chủ động hoàn toàn về hệ thống cấp thoát nước thực hiện phương thức nuôi thâm canh, công nghiệp tôm thẻ chân trắng, diện tích còn lại dưới đê nuôi theo phương thức quảng canh cải tiến, tổng hợp đa dạng vật nuôi, xen ghép thân thiện môi trường. Tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, ổn định diện tích nuôi thâm canh, đa dạng các phương thức nuôi gắn với bảo vệ môi trường trên diện tích nuôi quảng canh cải tiến, thả giống đúng lịch thời vụ, đúng quy trình phòng chống dịch bệnh thủy sản. Xây dựng và thực hiện thành công 2 mô hình nuôi thủy sản theo hướng an toàn sinh học, đạt hiệu quả kinh tế cao: Mô hình nuôi tôm sú kết hợp với cá chua quy mô 19,5 ha/15 hộ ở xã Phước Sơn; nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp cá rô phi quy mô 23,5 ha/40 hộ ở xã Phước Thắng; nuôi cua xanh thương phẩm quy mô 0,5 ha/01 hộ ở xã Phước Thuận, sản lượng đạt 1.000 kg, lợi nhuận 30 triệu đồng/5 tháng nuôi.

+ Trên lĩnh vực lâm nghiệp: Tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 2.863 ha; trong đó diện tích đất có rừng là 1.966.98 ha; sản lượng gỗ khai thác

hàng năm đạt trên 33.200 tấn. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến giáo dục về Luật bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng và xử lý các hành vi vi phạm. Trên địa bàn huyện có 13 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp, cung cấp trên 20 triệu hom giống keo lai và giống cây lâm nghiệp nuôi cấy mô đạt 100% để phục vụ cho công tác trồng rừng trong huyện và xuất bán các huyện, tỉnh lân cận; bình quân mỗi năm trồng mới trên 300 ha rừng. Giá trị sản xuất năm 2019 đạt 36,357 tỷ đồng. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 14,4%.

- Về lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

+ Sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Làng nghề: Theo phê duyệt bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 tại Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh Bình Định, huyện Tuy Phước được quy hoạch 01 cụm công nghiệp với diện tích 49,5 ha. Trong những năm qua, huyện đã tập trung xây dựng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đến nay, đã thành lập và quy hoạch chi tiết 01/01 cụm công nghiệp diện tích 49,5 ha. Có 19 doanh nghiệp đang đầu tư, sản xuất kinh doanh tại 01 cụm công nghiệp, gồm những ngành nghề chính: Chế biến gỗ, sản xuất nhựa, chế biến đá granite, may mặc xuất khẩu, kho phân phối hàng hóa nông sản,... tạo việc làm trên 1.530 lao động, lương bình quân 4,3 triệu đồng/người/tháng. Tổng diện tích đã cho thuê 39,8 ha/49,5 ha đất công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy cụm công nghiệp là 100%. Đồng thời Cụm Công nghiệp Bình An, xã Phước Thành đã được UBND tỉnh phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 3714/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 về định hướng phát triển Cụm công nghiệp đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 với diện tích 38,234 ha. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 2.188 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) đang hoạt động và 02 làng nghề (Làng nghề Bánh tráng Kim Tây và Làng nghề Trồng hoa Bình Lâm); giải quyết việc làm cho gần 200 lao động. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề năm 2020 ước đạt 2.608,658 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010).

+ Thương mại - dịch vụ: Phát triển, hình thành nhiều kênh phân phối, hàng hóa đa dạng đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng; hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ tăng trưởng khá, doanh thu năm 2020 ước thực hiện 1.950,264 tỷ đồng. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, tín dụng, ngân hàng, vận tải, bảo hiểm phát triển mạnh. Các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, mở rộng ngành nghề và các mặt hàng kinh doanh. Công tác xúc tiến thương mại được các cấp chính quyền và các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh quan tâm. Các sản phẩm đặc trưng của huyện được xây dựng nhãn hiệu tập thể.

- Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Đến nay, huyện Tuy Phước đã có 5 sản phẩm được công nhận 3 sao cấp tỉnh (*sản phẩm Dưa Lê của Công ty TNHH Gia Vị Nhiệt Đới xã Phước Hưng; sản phẩm rau an toàn của HTX NN Phước Hiệp; sản phẩm hoa Cúc chậu hộ Ông Nguyễn Ngọc Tùng xã Phước Hòa; sản phẩm nem chả chợ huyện của cơ sở Bảy Liêm thôn Hạnh*

Quang, xã Phước Lộc; sản phẩm bánh ít lá gai của cơ sở Bà Dụ, khu phố Trung Tín 1 thị trấn Tuy Phước) và sản phẩm Gà giống của Công ty TNHH giống gia cầm Minh Dụ là sản phẩm tiềm năng đạt 5 sao năm 2019, hiện đang hoàn thiện hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm Ocop cấp quốc gia.

Thu nhập bình quân đầu người chung toàn huyện năm 2020 đạt 47,2 triệu đồng/người/năm; trong đó, khu vực thành thị 54,5 triệu đồng/người/năm, khu vực nông thôn đạt 45,8 triệu đồng/người/năm (tăng 27 triệu đồng/người/năm so với năm 2011 (18,8 triệu đồng/người/năm)).

TT	Đơn vị	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm)
1	Xã Phước Thắng	42,00
2	Xã Phước Hưng	49,50
3	Xã Phước Quang	45,10
4	Xã Phước Hòa	45,00
5	Xã Phước Sơn	44,93
6	Xã Phước Hiệp	42,00
7	Xã Phước Lộc	50,00
8	Xã Phước Nghĩa	45,00
9	Xã Phước Thuận	42,00
10	Xã Phước An	50,00
11	Xã Phước Thành	46,50
Toàn huyện		45,80

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 10 - Thu nhập

3.3.11. Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020: $\leq 5\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo như hỗ trợ dạy nghề gắn với việc làm, chính sách về y tế, hỗ trợ về giáo dục và đào tạo, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, thực hiện hiệu quả Dự án tín dụng ưu đãi đã tạo điều kiện về vốn cho hộ nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh tạo thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững, ổn định cuộc sống, góp phần giảm hộ nghèo chung của toàn huyện. Toàn huyện có 1.212 hộ nghèo/46.169 hộ, trong đó số hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là 325 hộ; Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2020 là 1,92% (887 hộ/46.169 hộ), giảm 7,92% so năm 2011 (9,84%).

c) *Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:* Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 11 - Hộ nghèo

3.3.12. Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm

a) *Yêu cầu của Tiêu chí:* Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động: Đạt từ $\geq 90\%$.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hàng năm, các địa phương, đơn vị đã tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động tại các địa phương, trên cơ sở đó tổ chức đăng ký học nghề cho lao động nông thôn. Số lượng lao động được đào tạo nghề hàng năm khoảng 850 người. Các ngành nghề đào tạo được lựa chọn với mục tiêu dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động, định hướng các nhóm ngành nghề phù hợp với từng địa phương, khu vực. Đến nay, tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của 11 xã đạt 99,11% (85.982/86.755 người), tăng 1,43% so với năm 2011.

c) *Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:* Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm

3.3.13. Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012: Đạt.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững: Đạt.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của luật Hợp tác xã năm 2012:

+ Toàn huyện có 14 HTX nông nghiệp, mỗi xã đều có 01 HTX nông nghiệp hoạt động đúng Luật HTX năm 2012; Trong tổng số 14 HTX nông nghiệp, có 03 HTX hoạt động tốt (chiếm 21,4%); 05 HTX hoạt động khá (chiếm 35,7%); 06 HTX hoạt động trung bình (chiếm 42,9%). Các HTX NN ngoài làm các dịch vụ nông nghiệp như: Thủy lợi, vật tư nông nghiệp, liên kết sản xuất lúa giống, làm đất, cuốn rơm, còn vươn ra hoạt động sản xuất, kinh doanh các ngành nghề khác như: Dịch vụ xăng dầu, điện, tín dụng nội bộ... góp phần tăng doanh thu cho các thành viên HTX. Huyện tiếp tục duy trì, phát triển các làng nghề truyền thống như làng hoa Bình Lâm, làng bánh tráng Kim Tây, Phước Hòa. Ngoài ra, cùng với Chương trình mỗi xã một sản phẩm cũng đã thúc đẩy sự phát triển nghề trong các nhóm hộ gia đình trên địa bàn.

+ Hiệu quả hoạt động của các HTX NN hàng năm đã giải quyết việc làm cho hơn 2.500 lao động; doanh thu bình quân 7,2 tỷ đồng/HTX/năm; thu nhập bình quân của thành viên hợp tác xã là 3,0 triệu đồng/tháng; thu nhập bình quân của cán bộ, công nhân Hợp tác xã nông nghiệp là 4,2 triệu đồng/tháng.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững:

+ Với mục tiêu chung nâng cao giá trị gia tăng và phát triển nông nghiệp

bền vững dựa trên đổi mới hình thức tổ chức sản xuất; đẩy mạnh liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gắn với áp dụng khoa học - công nghệ; chuyên môn hóa sản xuất, tạo việc làm ổn định, phân công lại lao động; góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư ở nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng nông thôn mới. Trong đó, định hướng phát triển các ngành và sản phẩm chủ lực:

Về kết quả đạt được năm 2020: Giá trị sản xuất nông, lâm - thủy sản (theo giá so sánh 2010) ước đạt 2.333,7 tỷ đồng, trong đó: Nông nghiệp 1.975,5 tỷ đồng; lâm nghiệp 43,9 tỷ đồng; thủy sản 314,2 tỷ đồng. (Trong năm 2010: Giá trị sản xuất nông lâm - thủy sản ước đạt 1.516,5 tỷ đồng, trong đó: Nông nghiệp 1.351,3 tỷ đồng; lâm nghiệp 29,6 tỷ đồng; thủy sản 135,6 tỷ đồng). Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân/ha năm 2020 là 156,3 triệu đồng (tăng 83,9 triệu đồng so với năm 2010).

Trên lĩnh vực trồng trọt: Tuy Phước là huyện trọng điểm lúa của tỉnh, thế mạnh trong trồng trọt liên kết sản xuất lúa giống, lúa hàng hóa chất lượng cao. Vì vậy trong thời gian qua huyện tập trung chỉ đạo chuyển đổi 100% diện tích từ sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm, sử dụng giống lúa xác nhận, nguyên chủng đạt gần 100%. Đồng thời, hàng năm đưa các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất như: BC15, Đài thơm 8..., ứng dụng các quy trình sản xuất tiên tiến SRI, ICM, chương trình 3 giảm, 3 tăng đã mang lại hiệu quả đột phá bước đầu, năng suất lúa và các loại cây trồng tăng, ổn định về năng suất, chất lượng; năng suất lúa bình quân năm 2020 đạt 70,7 tạ/ha (tăng 5,7 tạ/ha so với năm 2010). Đến nay, 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa từ khâu làm đất, thu hoạch lúa, máy cuốn rơm rạ góp phần tiết kiệm chi phí, giải phóng sức lao động, đảm bảo thời vụ, phòng tránh thiên tai, là tiền đề quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp hiện đại. Công tác chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng được chú trọng, chuyển đổi cây trồng cạn trên đất lúa thiếu nước; sử dụng các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao. Có HTX sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, gắn với ứng dụng công nghệ cao được đầu tư thâm canh sản xuất, cung ứng sản phẩm rau an toàn cho thị trường trong và ngoài tỉnh, giải quyết việc làm cho người dân và bảo vệ môi trường. Được UBND tỉnh phê duyệt 4 Dự án cánh đồng lớn cho cây lúa, 03 cánh đồng liên kết sản xuất lúa giống với tổng diện tích canh tác 750 ha, có 12/14 HTXNN liên kết sản xuất giống với các công ty, tập đoàn sản xuất giống như: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Seed, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Seed, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ, Công ty Vật tư nông nghiệp An Giang, Công ty Giống cây trồng Miền Nam hàng năm liên kết sản xuất giống trên 1.200 ha áp dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, gắn với sản xuất theo chuỗi giá trị. Xây dựng và triển khai Đề án làng nghề trồng hoa Bình Lâm gắn phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất trên cơ sở tổ chức sản xuất và quản lý theo chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, tăng thu nhập cho người trồng hoa kiểng.

Trên lĩnh vực chăn nuôi: Công tác chỉ đạo phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, không để tái phát, lây lan dịch bệnh được quan tâm; chăn nuôi tiếp tục phát triển có bước chuyển mạnh mẽ; đã từng bước chuyển từ hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi gia trại gắn với thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh chương trình lai cải tạo đàn bò, nạc hóa đàn heo, triển khai Đề án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ... theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả, an toàn gắn với bảo vệ môi trường, mô hình hình chăn nuôi bò thịt chất lượng cao được ứng dụng rộng rãi; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và cung ứng giống gia cầm để cung ứng cho thị trường con giống tốt, an toàn dịch bệnh. Năm 2020, đàn bò 16.100 con (kế hoạch 16.000), bò lai trên 80% tổng đàn (kế hoạch 78%); đàn trâu 1.300 con; đàn lợn 30.000 con (kế hoạch 55.000); đàn gia cầm 1,75 triệu con (kế hoạch 1,7 triệu con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 9.700 tấn (kế hoạch 13.000 tấn). Trên địa bàn huyện có Công ty TNHH Giống Gia cầm Minh Dư có các cơ sở sản xuất trong và ngoài huyện với quy mô diện tích trên 150 ha, Hệ thống chăn nuôi, áp dụng theo công nghệ hiện đại Châu Âu, tự động hóa trong đó hệ thống chuồng trại chăn nuôi, hệ thống máy ấp nở, hệ thống phòng - kiểm soát dịch bệnh, kiểm tra chất lượng sản phẩm đã được đầu tư với công nghệ hiện đại, đồng bộ, khép kín cùng đội ngũ KCS được đào tạo chuyên nghiệp, đảm bảo cung cấp đến người chăn nuôi gà giống chất lượng cao, giống gà ta mang thương hiệu Minh Dư đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp giấy chứng nhận độc quyền và cung ứng cho thị trường toàn quốc và xuất khẩu. Bình quân mỗi năm Công ty Minh Dư cung cấp ra thị trường khoảng 100 triệu con gà giống thương phẩm 1 ngày tuổi chiếm khoảng 20% thị phần cả nước vươn lên trở thành 1 trong 4 doanh nghiệp gà lông màu lớn nhất Việt Nam và là doanh nghiệp dẫn đầu về giống gà thả vườn. Đây là điều kiện thúc đẩy chăn nuôi trên địa bàn giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân.

Trên lĩnh vực thủy sản: Về thủy sản, có bước phát triển khá, diện tích nuôi trồng thủy sản 1.001,1 ha; sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản đến năm 2020 là 6.190 tấn, tăng 0,92% so với năm 2011. Diện tích nuôi tôm trên đê chủ động hoàn toàn về hệ thống cấp thoát nước thực hiện phương thức nuôi thâm canh, công nghiệp tôm thẻ chân trắng, diện tích còn lại dưới đê nuôi theo phương thức quảng canh cải tiến, tổng hợp đa dạng vật nuôi, xen ghép thân thiện môi trường. Tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, ổn định diện tích nuôi thâm canh, đa dạng các phương thức nuôi gắn với bảo vệ môi trường trên diện tích nuôi quảng canh cải tiến, thả giống đúng lịch thời vụ, đúng quy trình phòng chống dịch bệnh thủy sản. Xây dựng và thực hiện thành công 3 mô hình nuôi thủy sản theo hướng an toàn sinh học, đạt hiệu quả kinh tế cao: Mô hình nuôi tôm sú kết hợp với cá chua quy mô 19,5 ha/15 hộ ở xã Phước Sơn; nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp cá rô phi quy mô 23,5 ha/40 hộ ở xã Phước Thắng; nuôi cua xanh thương phẩm quy mô 0,5 ha/01 hộ ở xã Phước Thuận, sản lượng đạt 1.000 kg, lợi nhuận 30 triệu đồng/5 tháng nuôi.

Trên lĩnh vực lâm nghiệp: Tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 2.863 ha; trong đó diện tích đất có rừng là 1.966.98 ha; sản lượng gỗ khai thác

hàng năm đạt trên 33.200 tấn. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến giáo dục về Luật bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng và xử lý các hành vi vi phạm. Trên địa bàn huyện có 13 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp, cung cấp trên 20 triệu hom giống keo lai và giống cây lâm nghiệp nuôi cấy mô đạt 100% để phục vụ cho công tác trồng rừng trong huyện và xuất bán các huyện, tỉnh lân cận; bình quân mỗi năm trồng mới trên 300 ha rừng. Giá trị sản xuất năm 2019 đạt 36,357 tỷ đồng. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 14,4%.

+ Hiệu quả của mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ 4 cánh đồng thuộc dự án Cánh đồng lớn liên kết sản xuất lúa giống thực hiện theo cơ chế hỗ trợ của Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 16/8/2015 của UBND tỉnh tại 4 HTX: Phước Hưng, Phước Quang, Phước Lộc và Phước Sơn 1, với tổng diện tích 420 ha và 03 cánh đồng thuộc dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống thực hiện theo cơ chế hỗ trợ của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND tỉnh tại 3 HTX Phước Thắng, Phước Hiệp và Phước Thuận với tổng diện tích 326 ha, tăng thêm thu nhập cho người nông dân trên 12 triệu đồng/ha. Đã hình thành và nhân rộng 65 cánh đồng lớn, cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng liên kết, sản xuất lúa giống, lúa thương phẩm với diện tích 2.700 ha. Thực hiện các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hàng năm cung ứng cho các công ty tham gia liên kết từ 5.000 - 7.000 tấn lúa giống, lợi nhuận do chênh lệch giá từ 10 tỷ đến 12 tỷ đồng.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất.

3.3.14. Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Đạt;
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp): Đạt $\geq 85\%$;
- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: Đạt $\geq 40\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Qua 10 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, toàn huyện tập trung thực hiện tốt công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; có nhiều giải pháp duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục do đó kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đạt được khá tốt. Năm 2015 đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; năm 2018 đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; năm 2018 đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2. Đến nay, huyện duy trì bền vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; xóa mù chữ mức độ 2.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp là 10.110/11.230 học sinh, đạt tỷ lệ: 90,02% (tăng 6,47% so với năm 2011).

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo:

+ Số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 102.279 người. Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm qua đào tạo là 49.781 người.

+ Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo được xác định là 49.781/102.279 người, đạt tỷ lệ 48,67%.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo.

3.3.15. Tiêu chí số 15 - Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: Đạt $\geq 85\%$.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: Đạt.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): $\leq 24,2\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: Tổng số người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện, tính đến tháng 10 năm 2020 là 67.862/180.300 người, đạt 93,1% (tăng 39,67% so với năm 2011 (53,43%)), tại 11 xã đều có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 85\%$.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: đến nay có 11/11 xã đạt và duy trì xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Bình Định công nhận đơn vị thực hiện đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2019. Cụ thể: Năm 2012 có 01 xã đạt: Phước Lộc; năm 2013 có 03 xã đạt gồm: Phước An, Phước Sơn, Phước Hòa; năm 2014 có 04 xã đạt: Phước Thành, Phước Nghĩa, Phước Thuận, Phước Hưng; năm 2015 có 03 xã đạt gồm: Phước Hiệp, Phước Thắng, Phước Quang.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế - Dân số. Chủ động, kịp thời triển khai các giải pháp để khống chế dịch bệnh nguy hiểm và các bệnh dịch mới nổi khác thường xuyên, kịp thời và hiệu quả, không để dịch bùng phát hạn chế tối đa số lượng mắc và tử vong. Tăng cường các hoạt động y tế dự phòng nhằm kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, nhất là các bệnh không lây nhiễm. Tăng cường triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, tập trung phát triển mạnh hệ thống chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Mạng lưới Y tế cơ sở không ngừng được củng cố, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư nâng cấp, chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được kiện toàn, phát triển, năng lực và hiệu quả hoạt động ngày càng nâng cao trên các lĩnh vực của ngành, bệnh nhân được khám chữa bệnh tại Trạm y tế ngày càng cao. Bệnh nhân được khám chữa bệnh tại Trạm Y tế xã là 103.142 lượt người, so với năm 2011 tăng 17.862 lượt người.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng được triển khai đồng bộ, có

hiệu quả, hàng năm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng năm sau giảm hơn so năm trước. Năm 2020, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi là 2.016/11.519 trẻ, đạt tỷ lệ 17,5%, giảm 11,71 % so với năm 2011 (29,21%). Chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và Dân số kế hoạch hóa gia đình luôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đạt một số kết quả tích cực.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 15 - Y tế.

3.3.16. Tiêu chí số 16 - Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định: Đạt $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được quan tâm đẩy mạnh gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, là nền tảng “sức mạnh mềm” trong xây dựng nông thôn mới, nên các phong trào ở địa phương phát triển mạnh. Đặc biệt, phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác giáo dục truyền thống cách mạng... được lãnh đạo Cấp ủy, chính quyền và các hội, đoàn thể địa phương rất quan tâm, có tác động lớn đối với quần chúng nhân dân và phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn văn hóa, xã đạt chuẩn văn hóa... Bên cạnh đó, Huyện đã tích cực, lồng ghép thêm những hoạt động thiết thực khác vào phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được người dân đồng tình hưởng ứng, như: Mô hình “Gia đình văn hóa điểm”, “Không sinh con thứ ba trở lên” do Hội LHPN huyện phát động; mô hình “Xã không có tội phạm và tệ nạn xã hội” do Công an huyện phát động... và các hoạt động vui chơi giải trí phục vụ nhu cầu sinh hoạt tinh thần cho người dân. Song song với những kết quả đạt được, Phong trào “TĐĐKXDĐSVH” huyện còn được cụ thể hóa và phát triển với nhiều hình thức khác nhau, như: Tổ chức các hoạt động Thể dục thể thao, Văn hóa văn nghệ nhân các ngày lễ trọng đại của đất nước; Các buổi giao lưu, tọa đàm bằng hình thức “Game show Giờ thứ 9”; Liên hoan Thôn văn hóa tiêu biểu toàn huyện... do các phòng, ban, ngành, hội, đoàn thể và các địa phương trong huyện phối hợp tổ chức... đây không phải là việc làm mới nhưng đối với Tuy Phước đây là ý tưởng hay, cách làm tốt tạo nên không khí thi đua sôi nổi phấn khởi trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong huyện. Qua đó cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân, các địa phương phát huy những thành quả đã đạt được, nâng cao tinh thần đoàn kết, tính cộng đồng, trách nhiệm ở các khu dân cư. Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” phát triển mạnh. Đến nay, toàn huyện có 65 Câu lạc bộ thể thao ngoài công lập như CLB võ thuật, bóng đá, bida, cờ tướng, cờ vua, bóng bàn, bóng chuyền... số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 36% trên tổng số dân; gia đình tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt 32% trên tổng số hộ toàn huyện. Hàng năm, ngoài kinh phí nhà nước Ban Chỉ đạo huyện đã thực hiện tốt công tác xã hội hóa vận động các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các thiết chế thể thao và thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu vui chơi, rèn luyện sức khỏe của các tầng lớp nhân dân. Khẳng định việc

phát triển Phong trào “TĐĐKXDĐSVH” trong xây dựng Nông thôn mới có vai trò quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của toàn xã hội góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đề ra.

Việc thực hiện nếp sống văn hóa trong xây dựng nông thôn mới: Để thực hiện nhiệm vụ trên, bên cạnh việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thực hiện Phong trào xây dựng đời sống văn hóa trong Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Sở Văn hóa và Thể thao đã xây dựng kế hoạch phối hợp với UBMTTQ Việt Nam tỉnh đẩy mạnh công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh giai đoạn 2020 - 2025 trong đó tập trung triển khai các nội dung như: Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; tuyên truyền, vận động cán bộ và nhân dân ở khu dân cư thực hiện nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng; các quy định về nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội; tích cực xây dựng gia đình văn hóa; xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; tích cực thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng dẫn tổ chức các nội dung hoạt động Ngày hội đảm bảo thiết thực, hiệu quả: ôn lại truyền thống Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam; báo cáo đánh giá kết quả xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kết quả thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước ở cộng đồng; tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho gia đình chính sách, gia đình hộ nghèo, gia đình tiêu biểu trong dịp Ngày hội; tổ chức các hoạt động ký giao ước thi đua ở cộng đồng dân cư tuyên truyền, vận động và hướng dẫn các hộ gia đình, các khu dân cư đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, làng, khu phố, thôn văn hóa, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Xây dựng kế hoạch thực hiện Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước để triển khai tại cơ sở nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật và các quy định về văn hóa của người dân ở nông thôn; xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân ở nông thôn nâng cao mức hưởng thụ, tham gia hoạt động và sáng tạo văn hóa; nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, thực hiện các tiêu chí phát triển văn hóa nông thôn mới cấp xã, tạo nền tảng vững chắc để phát triển văn hóa nông thôn mới trên địa bàn xã; xây dựng con người, gia đình, cộng đồng nông thôn và môi trường văn hóa nông thôn lành mạnh, phong phú, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, tạo động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp và xã hội nông thôn mới.

Huyện Tuy Phước đã thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; thực hiện có hiệu quả Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, đã tiên hành phê

duyet quy ước, hương ước 101 thôn, khu phố, nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả vận động, tuyên truyền góp phần hỗ trợ tích cực cho việc quản lý nhà nước bằng pháp luật, 101 hương ước, quy ước của thôn, khối phố được niêm yết công khai tại trụ sở thôn, khu phố. Tình hình thực hiện hương ước, quy ước cơ bản được thực hiện nghiêm túc, có tính tự giác cao, các quy ước, hương ước được phổ biến công khai trong các cuộc họp, sinh hoạt thôn, khu phố. Nội dung của quy ước, hương ước bám sát với tình hình thực tế, tập trung xoay quanh các vấn đề đời sống khu dân cư như: an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, việc cưới, việc tang, kế hoạch hóa gia đình, xóa đói giảm nghèo và nét văn hóa đặc trưng của từng địa phương. Nhờ đó, đã góp phần phòng chống các tệ nạn xã hội, giúp đoàn kết trong cộng đồng dân cư giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn nảy sinh trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời động viên, khuyến khích các thành viên trong gia đình phát triển sản xuất nâng cao đời sống văn hóa tinh thần. Đến cuối năm 2020, toàn huyện có 42.494/44.873 hộ đạt gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 94,7%.

- Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định: có 91/91 thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa, đạt tỷ lệ 100%, tăng 58,25% so với năm 2011 (41,75%).

c) *Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:* Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 16 - Văn hóa.

3.3.17. Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm

a) *Yêu cầu của Tiêu chí:*

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: $\geq 95\%$ (trong đó $\geq 60\%$ nước sạch).

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Đạt 100%.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh- sạch- đẹp, an toàn: Đạt.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Đạt.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Đạt $\geq 85\%$.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Đạt $\geq 75\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Đạt 100%.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

* Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định

- Yêu cầu của chỉ tiêu:

+ Có tối thiểu 95% số hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh;

+ Có tối thiểu 60% số hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt chuẩn Quốc gia (QCVN02:2009/BYT)

- Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn huyện đã xây dựng 2 công trình cấp nước tập trung tại xã Phước Thuận với công suất 1900 m³ ngày đêm, xã Phước Quang với công suất 2900 m³ ngày đêm do Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện quản lý, vận hành. Ngoài ra, trên địa bàn huyện có Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Định cũng đặt nhà máy cung cấp nước tại thị trấn Tuy Phước để cung cấp cho các hộ dân thuộc địa bàn 02 thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì, xã Phước An và một phần xã Phước Thành; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Bình Định đặt nhà máy nước tại xã Phước Hiệp và hợp đồng với Ban Quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện để cung cấp cho các hộ dân thuộc địa bàn xã Phước Hiệp và các xã khu Đông của huyện. Đồng thời, UBND huyện đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải tập trung tại cụm công nghiệp Phước An.

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến cuối năm 2020 là 45.492/45.942 hộ, đạt 100% (tăng 28,8% so với năm 2011).

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo QCVN 01:2011/BYT đến cuối năm 2020 là 34.040/45.942 hộ, đạt 74,1% (tăng 24,3% so với năm 2011); Trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung đến cuối năm 2020 là 19.908/45.942 hộ, đạt 43,3% (tăng 9,4% so với năm 2011).

- Đánh giá: 11/11 xã của huyện Tuy Phước (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn chỉ tiêu số 17.1 - Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.

* Chỉ tiêu 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường

- Yêu cầu của chỉ tiêu: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Đạt 100%.

- Kết quả thực hiện:

Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn 11 xã của huyện Tuy Phước là 366 cơ sở. Đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý về môi trường cấp tỉnh, 366/366 cơ sở (đạt tỷ lệ 100%) đã có hồ sơ môi trường được phê duyệt và đã thực hiện xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý cấp huyện, theo báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, toàn bộ các cơ sở đều có hồ sơ môi trường và thực hiện xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

Có 02/02 làng nghề đã có hồ sơ môi trường được phê duyệt. Cụ thể, Làng nghề bánh tráng Kim Tây: đã có Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt; Làng nghề trồng hoa Bình Lâm: đã có Phương án Bảo vệ môi trường được phê duyệt. Số hộ sản xuất trong làng nghề trồng hoa Bình Lâm khoảng 200 hộ, số hộ sản xuất trong làng nghề bánh tráng Kim Tây khoảng 63 hộ. Các hộ sản xuất hoạt động trong làng nghề đều đảm bảo về môi trường.

Trên địa bàn huyện có cụm công nghiệp Phước An (xã Phước An, huyện Tuy Phước) đã có Báo cáo Đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; có 22 cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện đang hoạt động và đều đã có hồ sơ môi trường được phê duyệt, xác nhận theo quy định; đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập

trung với lưu lượng nước thải trung bình 30 m³ ngày đêm, đạt quy chuẩn xả thải. Nước thải của các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp Phước An được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung và xử lý đảm bảo theo quy định.

Các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên diện tích 971,2 ha, triển khai hoạt động trong vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản, đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các xã Phước Thắng, Phước Sơn, Phước Thuận và Phước Hoà, 899/899 cơ sở nuôi trồng đảm bảo môi trường, đạt tỷ lệ 100%.

- Đánh giá: 11/11 xã của huyện Tuy Phước (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn Chỉ tiêu 17.2 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

* Chỉ tiêu 17.3: Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn

- Yêu cầu của chỉ tiêu: Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt

- Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn huyện 11 xã đều có công viên của địa phương, riêng trung tâm huyện có các công viên công cộng, công trình vệ sinh môi trường để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, giải trí của người dân đáp ứng cho nhu cầu giao tiếp xã hội; thực hiện các hoạt động văn hóa, hưởng thụ cho người dân.

Toàn huyện (11 xã) có tổng số 166 tổ tự quản các tuyến đường tự quản; hoạt động định kỳ hàng tuần vào ngày thứ 7, chủ nhật ra quân dọn vệ sinh những tuyến đường, điểm phát sinh rác thải; đồng thời, tuyên truyền nhắc nhở cộng đồng dân cư nêu cao ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường... đảm bảo xanh, sạch, đẹp. Duy trì và nâng cao chất lượng các Tổ tự quản về môi trường tại các xã đảm bảo được liên tục và thường xuyên; tập trung triển khai các dự án lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong việc thu gom và xử lý rác đảm bảo vệ sinh môi trường tạo cảnh quan sạch đẹp tại khu vực nông thôn. Đồng thời, vận động người dân nâng cao ý thức vệ sinh môi trường, chỉnh trang từ nhà ra ngõ, khơi thông và nạo vét các kênh mương, ao hồ tạo vẻ thông thoáng, phát quang cây cỏ, bụi rậm tạo thông thoáng trên các tuyến đường làng ngõ xóm, chỉnh trang hàng rào, trồng cây xanh tạo bóng mát, cải tạo vườn tạp...; phát động phong trào các hộ dân trồng hoa, trồng cây xanh dọc các tuyến đường liên xã, liên thôn với tổng chiều dài 21,8 km.

- Đánh giá: 11/11 xã của huyện Tuy Phước (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn chỉ tiêu số 17.3 - Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

* Chỉ tiêu 17.4: Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch

- Yêu cầu chỉ tiêu: Mai táng phù hợp với quy định, phong tục tập quán tại các nghĩa trang được quy hoạch; Nghĩa trang được xây dựng và quản lý theo quy hoạch: Đạt.

- Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn huyện Tuy Phước có tổng số 54 nghĩa trang với tổng diện tích 116,95 ha. Các nghĩa trang đã được tổ chức quản lý xây dựng, ban hành quy chế, hương ước quản lý nghĩa trang và thực hiện theo quy hoạch chung xây

dựng nông thôn mới được duyệt. Đồng thời, huyện Tuy Phước đã quy hoạch 01 nghĩa trang nhân dân huyện tại 02 xã Phước An và Phước Lộc với quy mô 17,63 ha.

Trong tổng số 54 nghĩa trang đều đã và đang được trồng cây xanh cách ly xung quanh khu vực nghĩa trang; có 06 nghĩa trang đã được đầu tư xây dựng hạ tầng theo quy hoạch bao gồm: Nghĩa trang nhân dân thôn Phong Tấn, xã Phước Lộc; nghĩa trang nhân dân thôn Bình An 1, xã Phước Thành; nghĩa trang nhân dân thôn Bình An 2, xã Phước Thành; nghĩa trang nhân dân thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành; nghĩa trang nhân dân thôn Cảnh An 2, xã Phước Thành và nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước.

- Đánh giá: Có 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt Chỉ tiêu 17.4 - Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

* Chỉ tiêu 17.5: Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định

- Yêu cầu của chỉ tiêu: Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt.

- Kết quả thực hiện:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Đã tổ chức thu gom rác thải tại tất cả các xã là 20.610/45.774 hộ, đạt tỷ lệ 45,02% (năm 2011: tỷ lệ 7,84%). Số hộ dân cam kết tự xử lý là 15.913/45.774 hộ, đạt 34,76%. Công tác xử lý rác thải của các hộ dân ở các khu vực chưa có dịch vụ thu gom rác được thực hiện tốt bằng hình thức phân loại, chôn lấp rác hữu cơ; đối với rác vô cơ không thể tái chế được chôn lấp hoặc đưa đến nơi tập trung để đơn vị dịch vụ tiến hành thu gom.

Rác thải tại các tuyến đường chính được thu gom bởi 2 đơn vị chức năng là Ban quản lý Nước sạch và vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước và Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển đô thị Thiên Hương với tổng số 05 xe ép rác chuyên dùng với tổng công suất là 57,5 m³. Đối với rác thải tại các khu vực xa tuyến đường chính được triển khai thu gom bởi 101 tổ đội thu gom rác do UBND các xã thành lập, với phương tiện là 363 xe đẩy tay. Rác thải được thu gom với tần suất 3 lần/tuần. Rác thải được 2 đơn vị chức năng trên vận chuyển đến bãi chôn lấp hợp vệ sinh Long Mỹ tại xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn.

+ Chất thải rắn nông nghiệp: phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng. Bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thu gom trong các bể chứa trên đồng ruộng và tập trung trong các kho lưu chứa. Các xã đã xây dựng được 1.549 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật. 11/11 xã đã xây dựng kho lưu chứa tập trung bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Các xã đã ký hợp đồng và chuyển giao bao bì thuốc bảo vệ thực vật cho đơn vị chức năng (Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh) với tổng khối lượng 1.654 kg.

+ Chất thải y tế: 11/11 trạm y tế đều thực hiện quy định về quản lý chất thải y tế. Chất thải y tế lây nhiễm được đưa đến Trung tâm Y tế huyện để thu gom tập trung và chuyển giao cho đơn vị chức năng để xử lý (Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh). Khối lượng xử lý trong năm 2020 là 3.237 kg.

+ Thu gom, xử lý nước thải: Các điểm dân cư tập trung đều có hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đều có công trình xử lý nước thải đảm bảo trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Đánh giá: 11/11 xã của huyện Tuy Phước (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn Chỉ tiêu 17.5 - Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

* Chỉ tiêu 17.6: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch

- Yêu cầu của chỉ tiêu: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Đạt $\geq 85\%$.

- Kết quả đánh giá chỉ tiêu: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định về kỹ thuật theo QCVN 01:2011/BYT là 42.557/45.774 hộ gia đình, đạt 92,97% (tăng 18,18% so với năm 2011). Đồng thời, các hộ gia đình thực hiện 3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội liên hiệp Phụ nữ địa phương phát động.

- Đánh giá: 11/11 xã của huyện Tuy Phước (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn chỉ tiêu số 17.6 - Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

* Chỉ tiêu 17.7: Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường

- Yêu cầu của chỉ tiêu: Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Đạt $\geq 75\%$.

- Kết quả thực hiện: Trên địa bàn của huyện Tuy Phước có 5.040/5.483 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ 91,92% (tăng 37,72% so với năm 2011). Chất thải chăn nuôi được thu gom xử lý chủ yếu bằng công trình biogas, đệm lót sinh học và bể tự hoại. (Chi tiết phụ lục VII kèm theo)

- Đánh giá: 11/11 xã của huyện Tuy Phước (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn Chỉ tiêu 17.7 - Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

* Chỉ tiêu 17.8: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm

- Yêu cầu của chỉ tiêu: 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Kết quả thực hiện: Năm 2020, 11/11 xã có 416/416 hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, tăng 180 cơ sở so với năm 2011 (236 cơ sở); 100% các cơ sở tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm.

- Đánh giá: 11/11 xã đạt chỉ tiêu 17.8 - Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

c) *Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:* Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm.

3.3.18. Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: Đạt;
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Đạt;
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh": Đạt;
- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên: 100%;
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: Đạt;
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: Tổng số cán bộ, công chức của 11 xã là 218 người đạt chuẩn theo quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ, Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn, Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ. Trong đó: Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 02 người, đại học 173 người, cao đẳng 02 người, trung cấp 36 người và còn lại 05 người là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh đã qua đào tạo bồi dưỡng; trình độ lý luận chính trị: cao cấp 01 người, trung cấp 193 người, sơ cấp 24 người.

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: 11/11 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”: Từ năm 2018 trở về trước, hàng năm Đảng bộ được đánh giá, xếp loại “Trong sạch, vững mạnh”. Trong năm 2019, Đảng bộ 11 xã được đánh giá xếp loại như sau: Có 3 Đảng bộ xã được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” (xã Phước Hưng, Phước Lộc, Phước Thắng) và 08 Đảng bộ xã được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” (Phước An, Phước Thành, Phước Hiệp, Phước Nghĩa, Phước Quang, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận). Kết quả đánh giá phân loại chính quyền: 04 xã được xếp loại “Xuất sắc” (Phước Quang, Phước Hiệp, Phước Thuận, Phước Thắng), 07 xã được xếp loại “Tốt” (Phước An, Phước Thành, Phước Nghĩa, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Hưng, Phước Lộc).

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên: 11/11 xã có tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh được tổ chức đoàn thể chính trị cấp huyện đánh giá, xếp loại “Khá” trở lên.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được triển khai theo Quyết định số 619/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ bắt đầu thực hiện từ năm 2017. Theo đó, đã quan tâm xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, đánh giá và công nhận các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từng năm. Kết quả: Năm 2017 có 10/11 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (trừ xã Phước Sơn); từ năm 2018 đến 2020 có

11/11 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình tại các xã trên địa bàn huyện Tuy Phước được quan tâm thực hiện, có 11/11 xã có tỷ lệ nữ tham gia ủy viên cấp ủy đạt trên 15%, trong đó có 6/11 xã có nữ giữ chức vụ chủ chốt; 11/11 xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình; không phát hiện các trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

3.3.19. Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Đạt.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

* Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã 11/11 xã được tổ chức biên chế theo đúng quy định (Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, Phó Chỉ huy trưởng quân sự, Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm). Có 23/23 đồng chí Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng quân sự đã qua đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. 13/13 xã, thị trấn đã có phòng làm việc riêng và được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định; cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, Phó Chỉ huy trưởng quân sự Chỉ huy Quân sự xã được hưởng chế độ, chính sách và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ 27,21%. Công tác quản lý, sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên khá chặt chẽ, đạt 96,03%; tỉ lệ đảng viên trong quân nhân dự bị đạt 8,08%; đội ngũ cán bộ thôn đội trưởng có 85/101 đồng chí là đảng viên, số còn lại đang kiện toàn, hoàn thiện hồ sơ kết nạp đảng. Hàng năm Ban CHQS các xã tham mưu cho UBND xã kết nạp Dân quân mới và trao quyết định cho dân quân đã hoàn thành nhiệm vụ... Xây dựng lực lượng Dân quân theo đúng các văn bản hướng dẫn của cấp trên, mỗi xã xây dựng 01 Trung đội dân quân cơ động; 01 tổ thông tin, 01 tổ trinh sát, 01 tổ công binh, 01 tổ phòng hóa, 01 tổ y tế. Cấp thôn xây dựng từ 01 tổ đến 01 tiểu đội Dân quân tại chỗ. Các đối tượng dân quân tự vệ được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo nội dung, thời gian, chương trình quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BQP ngày 08/01/2016 của Bộ Quốc phòng và theo Chỉ thị, Mệnh lệnh của Quân khu, Bộ CHQS tỉnh. Thông qua huấn luyện, trình độ chỉ huy, hiệp đồng của cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ được nâng lên rõ rệt. Lực lượng dân quân tự vệ phối hợp tốt với các

lực lượng khác trong giữ gìn ANCT, TTATXH, bảo vệ và phòng, chống, cháy rừng theo Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ. Quản lý vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ theo Thông tư số 65/TT-BQP ngày 16/5/2016 của Bộ Quốc phòng.

* Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước:

- 11/11 xã của huyện hàng năm, Đảng ủy xã ban hành nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự, chỉ đạo các ban, ngành phối hợp MTTQ triển khai thực hiện có hiệu quả, ANTT được bảo đảm, phong trào toàn dân bảo vệ ANTT được củng cố, phát triển vững chắc.

- 11/11 xã không thuộc diện xã trọng điểm phức tạp về ANTT; Năm 2020, trên địa bàn huyện Tuy Phước nói chung và các xã, thị trấn nói riêng không để xảy ra các hoạt động: Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng; các hoạt động chống đối Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, gây rối an ninh, trật tự. Không để xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. Tính đến thời điểm thẩm tra các xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới không để xảy ra trọng án trên địa bàn. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế; tại thời điểm xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giảm so với năm trước.

- 11/11 xã tổ chức triển khai, thực hiện đúng các nội dung Thông tư 23/2012/TTBCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”. Kết quả đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ ANTT hàng năm của 11/11 xã (đạt tỷ lệ 100%) đều đạt an toàn về an ninh, trật tự; Các mô hình quần chúng tự quản về an ninh, trật tự được duy trì, củng cố, xây dựng và nhân rộng hoạt động hiệu quả (hiện nay có 65 mô hình tự quản về ANTT triển khai rộng khắp trên địa bàn các xã của huyện. Nhìn chung, các mô hình đều đem lại hiệu quả cao trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và được nhân rộng khắp ở nhiều khu dân cư, trường học như: Mô hình “Xóm bình yên, gia đình hòa thuận”, mô hình “Đòng tộc không có tội phạm và tệ nạn xã hội”, mô hình “Trường học không tội phạm và tệ nạn xã hội”, mô hình “Tiếng mõ an ninh”,... trong đó, nổi bật nhất là mô hình “Camera an ninh” đã và đang phát huy hiệu quả rất lớn trong công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Thông qua các camera an ninh, lực lượng Công an đã kịp thời phát hiện, vạch trần nhiều thủ đoạn tinh vi của các loại tội phạm, xác định chính xác địa điểm xảy ra vụ việc, kịp thời có mặt để giải quyết, cung cấp nhiều hình ảnh, tình tiết quan trọng phục vụ cho công tác điều tra, khám phá, góp phần to lớn trong việc bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn).

- Lực lượng Công an 11/11 xã thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Năm 2020 triển khai bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an tại 11/11 xã; cơ bản đủ về biên chế, đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

theo quy định, đáp ứng được yêu cầu công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ; được đánh giá, phân loại thi đua đúng quy định tại Thông tư số 12/2019/TT-BCA ngày 29/5/2019 của Bộ Công an quy định công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân; kết quả phân loại về tập thể, cá nhân đều đạt theo quy định đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh.

3.4. Kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện nông thôn mới (theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

3.4.1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch

a) Yêu cầu: Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt:
Đạt

b) Kết quả thực hiện:

Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 21/4/2020; Ban hành kèm theo quyết định là quy định quản lý quy hoạch để làm cơ sở tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt. Việc lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện được thực hiện tuân thủ theo Luật Xây dựng năm 2014, Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Thông tư 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các quy định có liên quan.

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt xong đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện, UBND Tuy Phước đã tổ chức công bố công khai quy hoạch theo đúng thời gian quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018.

c) Đánh giá: Huyện Tuy Phước đạt tiêu chí số 1- Quy hoạch

3.4.2. Tiêu chí số 2: Giao thông

a) Yêu cầu:

- Đường bộ:

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.

+ Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

- Đường thủy: Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các

bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

- Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại IV theo Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu phục vụ hành khách, vận chuyển hàng hóa, đảm bảo an toàn giao thông.

b) Kết quả thực hiện:

- Đường bộ: Trên địa bàn huyện Tuy Phước chỉ có 01 tuyến đường huyện ĐH.42, với chiều dài 11,93 Km đã đạt các kết quả sau:

+ 100% Km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%

+ Cấp kỹ thuật của tuyến đường huyện ĐH.42 đạt tiêu chuẩn đường cấp V (đồng bằng) theo TCVN 4054:2005 và phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Hệ thống cầu, cống trên tuyến đường huyện ĐH.42 được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

+ 100% Km đường huyện ĐH.42 do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

- Đường thủy: Trên địa bàn huyện Tuy Phước không có tuyến đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền công bố hoạt động theo quy định (hoạt động đường thủy từ Vinh Quang đi Cồn Chim là hoạt động tự phát do một số ít hộ dân trong khu vực lưu thông bằng phương tiện thủy thô sơ: ghe, xuồng... phục vụ việc nuôi trồng thủy sản).

- Vận tải:

+ Về bến xe khách: Trên địa bàn huyện Tuy Phước không có bến xe khách tại trung tâm huyện đã được công bố hoạt động theo quy định. Hiện tại, dự án bến xe khách trung tâm huyện tại thị trấn Diêu Trì được UBND tỉnh cho chủ trương lập quy hoạch tại văn bản số 313/UBND-KT ngày 19/01/2020 và UBND huyện Tuy Phước đã phê duyệt Đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 11/9/2020; theo đó, quy hoạch bến xe khách trung tâm huyện tại thị trấn Diêu Trì đạt quy mô bến xe khách loại IV theo các quy định tại Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ GTVT;

+ Về các điểm dừng, điểm đỗ: Dọc theo các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có bố trí các điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo các tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu phục vụ hành khách, vận chuyển hàng hóa theo quy định.

c) Đánh giá: Huyện Tuy Phước đạt tiêu chí số 2 - Giao thông

3.4.3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi

a) Yêu cầu: Huyện đạt tiêu chí về thủy lợi khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững:

+ Được thành lập theo quy định hiện hành;

+ Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý;

+ Thực hiện Phương án bảo vệ công trình thủy lợi được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện

- Hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện bao gồm hệ thống tưới liên xã và hệ thống các trục tiêu liên xã:

Hệ thống thủy lợi liên xã có chiều dài 136,98 km do Xí nghiệp Thủy lợi 3, Xí nghiệp Thủy lợi 4 đảm nhận tưới, tiêu cho trên 5.619 ha. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 04 hồ chứa nước, với diện tích lưu vực 11,52 km², dung tích thiết kế 2,52 triệu m³, có 11 đập dâng, 39 trạm bơm đảm bảo tưới, tiêu cho gần 10.000 ha đất canh tác lúa, rau màu và đáp ứng nhu cầu dân sinh. Hàng năm, các công trình được đầu tư xây dựng mới theo kế hoạch phê duyệt, đồng thời duy tu sửa chữa các công trình hư hỏng, xuống cấp để công trình đảm bảo an toàn trong quá trình phục vụ tưới, tiêu và phòng chống thiên tai. Những năm qua, không hề xảy ra tình trạng mất mùa do ngập úng, hạn hán gây ra, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt, nâng cao đời sống người dân nông thôn.

Toàn huyện có 502,72 km kênh mương; hệ thống kênh mương thủy lợi do Xí nghiệp Thủy lợi 3 và Xí nghiệp Thủy lợi 4 quản lý tưới, tiêu đã được kiên cố 22,25 km/136,98 km đạt 16,2%. Các công trình do địa phương quản lý vận hành, phục vụ tưới cho 1.765 ha, hệ thống kênh mương đã được kiên cố 251,4 km/365,74 km đạt 68,74%, đảm bảo phục vụ tưới cho diện tích gieo trồng của huyện.

Hàng năm, huyện đầu tư xây dựng kiên cố từ 15 đến 20 km kênh mương các loại đảm bảo phục vụ tưới tiêu ổn định, tránh thất thoát nước; thực hiện tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất 7.600 ha. Các công trình thủy lợi do Xí nghiệp Thủy lợi 3 và 4 và các HTX nông nghiệp thực hiện quản lý, khai thác, vận hành có hiệu quả, bền vững, phục vụ tốt cho trên 92,7% diện tích đất sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững:

+ Được thành lập theo quy định hiện hành: Xí nghiệp Thủy lợi 3, Xí nghiệp Thủy lợi 4 và các HTX nông nghiệp được thành lập đúng theo quy định.

+ Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý: Các công trình thủy lợi do Xí nghiệp Thủy lợi 3, Xí nghiệp Thủy lợi 4 và các HTX nông nghiệp thực hiện quản lý, khai thác, vận hành có hiệu quả, bền vững, phục vụ tốt cho trên 87% diện tích đất sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Hàng năm, huyện đầu tư xây dựng

kiên cố từ 15 đến 20 km kênh mương các loại đảm bảo phục vụ tưới tiêu ổn định, tránh thất thoát nước; thực hiện tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất 7.600 ha.

+ Về phương án bảo vệ công trình thủy lợi: Ủy ban nhân dân các xã đã thực hiện đầy đủ những nội dung về đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ. Cụ thể: thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đúng theo quy định tại Điều 22 nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính Phủ; từng năm, các xã đều lập kế hoạch phòng chống thiên tai, quyết định phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện đã tiến hành tổ chức tổng kết triển khai công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, trong đó đánh giá cụ thể thực trạng các công trình thủy lợi, các công trình phòng chống thiên tai; đồng thời xây dựng phương án bảo vệ, đảm bảo an toàn cho các công trình theo đúng hướng dẫn của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

c) Đánh giá: Huyện Tuy Phước đạt tiêu chí số 3 - Thủy lợi

3.4.4. Tiêu chí số 4: Điện

a) Yêu cầu: Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống

b) Kết quả thực hiện:

Toàn huyện có 373 trạm biến áp phân phối. Số lượng hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn trên địa bàn huyện Tuy Phước là 55.842/55.842 hộ, đạt 100% số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (năm 2011, đạt tỷ lệ 100%). Việc đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới hệ thống phân phối điện trên địa bàn được quan tâm đầu tư khá đồng bộ, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

* Hệ thống điện đầu tư liên xã (các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp)

- Hệ thống điện đầu tư liên xã trên địa bàn huyện hiện có gồm:

+ Đường dây trung thế 22 kV trên địa bàn có 216,238 km được lắp đặt đảm bảo các quy định của ngành điện.

+ Đường dây hạ thế: trên địa bàn có 546,772 km được lắp đặt đảm bảo các quy định của ngành điện; nhìn chung lưới điện hạ thế và nguồn điện đảm bảo chất lượng, đảm bảo nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân (trong đó: đường dây 0,4 kV: có 542,98 km, gồm có 542,98 km đường dây cáp vặn xoắn, bọc; đường dây 0,2 kV: có 3,792 km, gồm có 3,792 km đường dây cáp vặn xoắn, bọc).

- Cáp ngầm trung thế: có 0,25 km cáp ngầm trung thế

+ Các công trình trong chế độ làm việc bình thường của đường dây đảm bảo an toàn theo quy định; được lắp đặt nổi đất lặp lại cho dây trung tính, nổi đất vỏ thiết bị; có đầy đủ biển báo an toàn.

+ Dây dẫn được lắp đặt trên sứ cách điện có xà đỡ sứ, an toàn về dẫn điện, cách điện và cơ học.

+ Cột điện, kết cấu hỗ trợ chịu lực, móng cột, xà giá đỡ được bảo vệ, chống gỉ, chống xói lở theo quy định.

* Trạm biến áp phân phối

Trạm 22/0,4 kV trong huyện có 249 trạm/máy biến áp, tổng dung lượng là 36.030 kVA.

* Đầu tư hệ thống điện phù hợp với quy hoạch

- Hệ thống lưới điện trên toàn huyện đảm bảo phù hợp với quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Với hệ thống nguồn điện phong phú, đảm bảo cấp điện cho các khu công nghiệp, các xí nghiệp hoạt động và đảm bảo cung cấp điện liên tục, đầy đủ cho 13 xã, thị trấn trên địa bàn toàn huyện.

- Hiện nay, ngành điện tiếp tục đầu tư nâng cấp, chỉnh trang hệ thống điện đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn huyện. Thường xuyên kiểm tra, bổ sung, nâng cấp hệ thống trạm biến áp và đường dây, phân đấu hệ thống điện toàn huyện đảm bảo gọn gàng, mỹ quan, an toàn. Xây dựng hoàn thiện hệ thống điện đến các khu chăn nuôi, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mới mở trên địa bàn.

c) Đánh giá: Huyện Tuy Phước đạt tiêu chí số 4 - Điện

3.4.5. Tiêu chí số 5: Y tế - Văn hóa - Giáo dục

3.4.5.1. Về Y tế

a) Yêu cầu:

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3.
- Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3 theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế: Bệnh viện huyện là một bộ phận của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước. Tại Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận xếp lại hạng các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế; Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước được xếp hạng III theo tiêu chuẩn xếp hạng bệnh viện quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế (đạt 67 điểm trong khung điểm quy định bệnh viện hạng III phải đạt từ 40 đến dưới 70/100 điểm).

- Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế: Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Y tế; chất lượng hoạt động của bệnh viện và y tế dự phòng đều đạt kết quả cao theo quy định, cụ thể:

+ Về cơ sở vật chất: Tổng diện tích mặt bằng tại Trung tâm là 18.728 m², diện tích đang sử dụng xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp 2, 3, 4 gồm 22 dãy nhà với diện tích 8.705 m².

+ Về trang thiết bị: Ngoài các trang thiết bị theo quy định của bệnh viện hạng III, Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước đã được đầu tư nhiều phương tiện kỹ thuật cao phục vụ công tác khám chữa bệnh, bao gồm: 02 hệ thống Xquang kỹ thuật số, 03 máy siêu âm 4D, máy xét nghiệm sinh hóa tự động, máy phân tích huyết học tự động 18 thông số...

+ Về nhân lực: Đảm bảo nhân lực theo quy định bệnh viện hạng III và chỉ tiêu biên chế được phân bổ. Nguồn nhân lực bác sỹ thuộc Trung tâm Y tế có đủ các chuyên khoa theo quy định. Hiện có 32 bác sỹ, vượt tỷ lệ 0,2 bác sỹ/giường bệnh theo Quyết định số 2992/QĐ-BYT ngày 17/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về phê duyệt Kế hoạch phát triển nhân lực trong hệ thống khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2015 - 2020 (32 bác sỹ/130 giường bệnh kế hoạch).

+ Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: Phù hợp với quy định tại Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Về chất lượng bệnh viện: Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước hàng năm xây dựng và triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng bệnh viện theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Y tế; điểm chất lượng bệnh viện theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam được cải thiện hàng năm (năm 2017 đạt 2,59, năm 2018 đạt 2,88, năm 2019 đạt 2,89 và năm 2020 đạt 2,96).

+ Về công tác y tế dự phòng: Thực hiện Quyết định 2330/QĐ-SYT ngày 23/11/2016 của Giám đốc Sở Y tế Bình Định về việc ban hành “Bảng kiểm tra Y tế dự phòng tuyến huyện 2016 - 2020”, kết quả đánh giá công tác y tế dự phòng của huyện Tuy Phước từ năm 2016 - 2019 đều được xếp loại xuất sắc.

c) Đánh giá: Huyện Tuy Phước đạt chỉ tiêu 5.1 - Y tế

3.4.5.2. Về Văn hóa

a) Yêu cầu:

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện:

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định của Thông tư 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 và Thông tư 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phương tiện, trang thiết bị đảm bảo hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện Tuy Phước có 03 cơ sở làm việc:

- **Cơ sở 1:** Tổng diện tích đất đang sử dụng: 5.595 m². Gồm có Quảng trường Trung tâm, hội trường, thư viện, nhà truyền thống, văn Chi Tuy Phước và các phòng làm việc: 01 lãnh đạo, tổ văn hóa văn nghệ, tuyên truyền trực

quan, hành chính tổng hợp. Diện tích hoạt động ngoài trời: 4.118 m²; diện tích trong nhà: 1.477 m²; văn phòng: 557 m²; phục vụ hoạt động chuyên môn: 920 m².

- **Cơ sở 2:** Tổng diện tích đất đang sử dụng: 1.345 m². Gồm có nhà 02 tầng: phòng làm việc: 02 lãnh đạo, tổ Thông tin; phòng họp Trung tâm, phòng kỹ thuật thu in, phát chương trình phát sóng truyền thanh huyện, trạm Angten thu phát sóng.

- **Cơ sở 3:** Tổng diện tích đất đang sử dụng: 100 m² (trong khuôn viên sân vận động huyện). Phòng làm việc Bộ phận thể dục thể thao (trong khuôn viên sân vận động huyện)

* *Quy mô xây dựng:*

- Hội trường: 538 chỗ ngồi

- Phòng làm việc lãnh đạo: Giám đốc (25 m²), P.Giám đốc (20 m²), P.Giám đốc (20 m²).

- Diện tích phòng làm việc của bộ phận chuyên môn: Hành chính-Tổng hợp: 50 m²; Văn hóa văn nghệ: 40 m²; Thể dục thể thao: 80 m²; Phòng truyền thông: 210 m²; Phòng đọc, kho sách: 98 m²; Du lịch, nếp sống, gia đình: 32 m²; Kho chứa trang thiết bị: 80 m²

- Công trình thể dục thể thao:

+ *Sân vận động:* 12.200 m² có mái che, khán đài 1.000 chỗ ngồi, sân bóng đá, sân điền kinh, các phòng hội ý, phòng họp, phòng chức năng để tổ chức các giải Thể thao.

+ *Nhà tập thể thao đa năng:* 3.300 m², có 04 sân cầu lông, 01 sân bóng chuyền và hoạt động các môn cầu lông, bóng chuyền, võ thuật, bóng bàn, thể dục.

- Công trình phụ trợ: Sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà: 96 m²; Khu triển lãm, biểu diễn ngoài trời: 500 m²; Khu dịch vụ, vui chơi giải trí, vườn hoa: 800 m²

* *Trang thiết bị:*

- Hội trường đa năng: 538 chỗ ngồi

+ Trang bị âm thanh, ánh sáng: công suất phục vụ tốt để phục vụ 538 người.

+ Đạo cụ, trang phục: đáp ứng yêu cầu tập luyện và biểu diễn.

- Dụng cụ tập luyện và thi đấu thể dục thể thao: đảm bảo theo công trình TĐTT.

- Phương tiện vận chuyển: Được trang bị xe ô tô chuyên dùng (xe bán tải, MAZDA-2018).

* *Tổ chức và biên chế*

- Lãnh đạo Trung tâm (3): Phó Giám đốc phụ trách và 02 Phó Giám đốc.

- Cán bộ phận nghiệp vụ: Hành chính - Tổng hợp (3), Văn hóa văn nghệ (3), Thư viện (1), Tuyên truyền trực quan (1), Thể dục thể thao (2), Thông tin

truyền thanh (7) và Đội Tuyên truyền lưu động thành lập hoạt động theo thời điểm để phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Biên chế: Biên chế do UBND cấp huyện Quyết định theo định mức biên chế sự nghiệp là 20 biên chế. Đủ biên chế như UBND cấp huyện trình UBND cấp tỉnh Quyết định về khung tổ chức, bộ máy và nhân sự của Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện.

** Trình độ cán bộ*

- Ban Giám đốc: có 03 đồng chí đều thâm niên công tác trong ngành từ 10 năm đến 32 năm; trình độ chuyên môn: 01 Thạc sỹ văn hóa, 01 Đại học TDTT, 01 Đại học Nghiệp vụ Thông tin Truyền thanh; Lý luận chính trị: 01 cao cấp, 02 trung cấp.

- Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ: Được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về Văn hóa; Thể dục thể thao, thông tin tuyên truyền, báo chí: 01 Thạc sỹ (5% có trình độ trên Đại học), 17 Đại học (85% có trình độ Đại học), 02 Trung cấp 10% có trình độ Trung cấp).

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đã kết nối hoạt động thường xuyên với 11 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và 91/91 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn trên địa bàn, phục vụ tốt hoạt động văn hóa, thể thao cho nhân dân; đa dạng hóa và đẩy mạnh các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao quần chúng; nhiều hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, sinh hoạt cộng đồng đã được quan tâm thực hiện và từng bước đi vào nề nếp; động viên, khơi dậy trong các tầng lớp nhân dân tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, chung sức xây dựng nông thôn mới. Trong chương trình kế hoạch công tác hàng năm, trung tâm huyện đã có sự kết nối với các nhà văn hóa, khu thể thao các xã, thị trấn trong việc phối hợp tổ chức các hoạt động cụ thể như: Hướng dẫn, kiểm tra công tác tuyên truyền trực quan vào dịp mừng Đảng, mừng Xuân hàng năm, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Ban chủ nhiệm nhà văn hóa thôn vào năm 2019; hướng dẫn thành lập 03 CLB bài chòi ở cơ sở (Phước Nghĩa, Phước Sơn, Thị trấn Tuy Phước); 01 Câu lạc bộ Ca nhạc Cải lương Hương quê (Phước Thắng); Phối hợp với Nhà văn hóa xã Phước Sơn biểu diễn đêm văn nghệ cổ động tuyên truyền Đại hội Đảng, Nhà văn hóa xã Phước Hưng tổ chức lễ phát động tháng hành động thực hiện bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình năm 2020...; thường xuyên phối hợp tổ chức ngày chạy olympic, và các giải thể thao cấp cơ sở hàng năm.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, Chương trình phát triển kinh tế xã hội hàng năm của huyện, Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện tham mưu, giúp ủy ban nhân dân huyện tổ chức, thực hiện phát triển sự nghiệp văn hóa - thể thao, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương; hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, gia đình, thể thao ở cơ sở; tổ chức, cung ứng dịch vụ công, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nhu cầu tiếp cận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn huyện. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao

huyện đã tích cực nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, bảo tồn và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống của huyện, như: bài chòi dân gian, tuồng, Chèo bả trạo, hát bội, võ thuật cổ truyền Bình Định... lễ hội và làng nghề truyền thống của huyện. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị di tích trên địa bàn huyện, thu hút được sự quan tâm của các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân trong việc phát huy các giá trị di tích đối với công tác giáo dục truyền thống; xây dựng các sản phẩm du lịch dựa trên di tích văn hóa lịch sử, các loại hình nghệ thuật đưa vào phục vụ du khách; kết nối, thu hút đông đảo các tầng lớp Nhân dân trong huyện tham gia các lễ hội truyền thống, như: Chợ Gò, đua thuyền, Đô thị Nước mặn, cầu ngư, hội đánh bài chòi cổ dân gian, các trò chơi dân gian...; tập trung xây dựng đội ngũ vận động viên và tham gia thi đấu các giải tỉnh, Quốc gia các môn thành tích cao như bóng đá, bóng chuyền, võ cổ truyền Tuy bị ảnh hưởng đại dịch covid-19, nhưng trong năm 2020 tại Nhà văn hóa huyện cũng đã tổ chức luyện tập và biểu diễn (04 buổi) văn nghệ phục vụ nhân dân nhân các ngày lễ, tết, ngày hội truyền thống của địa phương. Trang trí, khánh tiết phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện Tuy Phước lần thứ XXII nhiệm kỳ 2020 - 2025; Tổ chức lớp “Tập huấn hô, hát bài chòi cho gần 40 hội viên của các câu lạc bộ bài chòi ở cơ sở. Ngoài ra còn phối hợp với Phòng Nội vụ huyện tổ chức “Chương trình gặp mặt sinh viên tiêu biểu năm 2020”; phối hợp với Hội LHPNVN huyện tổ chức “Hội thi Nữ cán bộ hội tự tin duyên dáng”; Phối hợp với Phòng LĐTBXH huyện tổ chức “Đêm hội Trung thu” cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn.v.v...

c) Đánh giá: Huyện Tuy Phước đạt chỉ tiêu 5.2 - Văn hóa

3.4.5.3. Về Giáo dục:

a) Yêu cầu: Tỷ lệ trường Trung học phổ thông (THPT) đạt chuẩn $\geq 60\%$.

b) Kết quả thực hiện:

Toàn huyện có 05 trường trung học phổ thông, gồm: trường Trung học phổ thông số 1 Tuy Phước, trường Trung học phổ thông số 2 Tuy Phước, trường Trung học phổ thông số 3 Tuy Phước, trường Trung học phổ thông Nguyễn Diêu và trường Trung học phổ thông Xuân Diệu.

Nhìn chung khuôn viên các trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển tên trường; các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch đẹp; đủ diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt.

Diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên đúng quy cách; phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn; có khu để xe dành riêng cho giáo viên và học sinh; có đủ nước sạch để phục vụ cho các hoạt động dạy và học; có hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng nhu cầu quản lý và dạy học; có trang thông tin điện tử hoạt động thường xuyên hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy-học và quản lý của các nhà trường.

Đến nay, có 4/5 trường trung học phổ thông được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 80%.

Trường Trung học phổ thông số 1 Tuy Phước: Được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2015 (theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

Trường Trung học phổ thông số 2 Tuy Phước: Được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2017 (theo Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

Trường Trung học phổ thông số 3 Tuy Phước: Được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2018 (theo Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Diêu: Được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2016 (theo Quyết định số 5065/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

c) Đánh giá: Huyện Tuy Phước đạt chỉ tiêu 5.3 - Giáo dục: Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn là 80% (quy định $\geq 60\%$).

3.4.6. Tiêu chí số 6: Sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về Sản xuất khi đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

Điều kiện 1: Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo:

+ Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững.

+ Các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ: các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Điều kiện 2: Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch. Mô hình liên kết phải thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

+ Có hợp đồng thu mua sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông thôn với doanh nghiệp, thời gian thực hiện hợp đồng ổn định từ 02 năm trở lên.

+ Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn, kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng nông sản theo yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp cho nông dân.

b) Kết quả đánh giá tiêu chí:

* Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo:

- Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ Thực hiện Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Tuy Phước theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016 - 2020, huyện đã quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế cạnh tranh. Đồng thời, huyện xác định các sản phẩm chủ lực của huyện để xây dựng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn liền kết sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; duy trì và mở rộng liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân, tạo sự ổn định đầu ra sản phẩm để nông dân yên tâm sản xuất trên các sản phẩm chủ lực như:

+ Đối với cây lúa: Đến năm 2020 diện tích gieo trồng cả năm 15.000 ha tập trung 13 xã, thị trấn. Trong đó, vùng sản xuất lúa giống 1.200 ha tập trung các xã: Phước Hưng, Phước Quang, Phước Lộc, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Thắng Phước Hiệp,... Đã hình thành và nhân rộng 65 cánh đồng lớn, cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng tiên tiến sản xuất lúa giống, lúa thương phẩm với diện tích 2.700 ha. Thực hiện các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hàng năm cung ứng cho các công ty tham gia liên kết từ 5.000 - 6.000 tấn lúa giống, lợi nhuận do chênh lệch giá từ 9 - 10 tỷ đồng; năng suất lúa bình quân năm 2020 đạt 70,7 tạ/ha (tăng 5,8 tạ/ha so với năm 2010).

+ Đối với ngành lâm nghiệp: Diện tích đất lâm nghiệp của huyện trên 2.863 ha, tập trung chủ yếu ở các xã: Phước Thành, Phước An,...UBND huyện đã tập trung thực hiện việc giao đất, giao rừng, những bất cập việc quy hoạch 3 loại rừng được điều chỉnh; áp dụng các biện pháp quản lý và bảo vệ rừng bền vững.

+ Về nuôi trồng thủy sản: Các khu nuôi trồng thủy sản của các xã đều phù hợp với quy hoạch nuôi trồng thủy sản, quy hoạch sử dụng đất. Trên địa bàn huyện có tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 971,2 ha, trong đó nuôi theo Dự án: Bảo vệ nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD) là 233,459 ha; nuôi theo hình thức quảng canh cải tiến, nuôi xen, nuôi ghép thân thiện với môi trường 738,6 ha thu hoạch tự nhiên không sử dụng thực phẩm công nghiệp làm thức ăn. Đã tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, ổn định diện tích nuôi bán thâm canh, đa dạng các phương thức nuôi gắn với bảo vệ môi trường trên diện tích nuôi quảng canh cải tiến, thả giống đúng lịch thời vụ, đúng quy trình phòng chống dịch bệnh thủy sản.

- Về áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững:

Huyện tập trung chỉ đạo các ngành và địa phương triển khai ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để tăng năng suất, giảm giá thành như:

Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), Chương trình quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), Chương trình 3 giảm, 3 tăng; 1 phải, 5 giảm; quy trình canh tác lúa cải tiến SRI... đến nay đã được nông dân áp dụng rộng rãi trên địa bàn huyện.

- Các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ: các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương:

Đến nay, 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã được cơ giới hóa từ khâu làm đất, thu hoạch lúa, máy cuốn rơm rạ góp phần tiết kiệm chi phí, giải phóng sức lao động, đảm bảo thời vụ, phòng tránh thiên tai, là tiền đề quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp hiện đại.

Năm 2011 Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định và UBND huyện Tuy Phước tổ chức hội thi máy gặt đập liên hợp các tỉnh phía Nam tại cánh đồng xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước. Thông qua Hội thi tạo sức lan tỏa rộng rãi trên địa bàn huyện nông dân tập trung mua sắm máy móc phục vụ sản xuất gồm: Hơn 300 chiếc máy kéo, 220 máy gặt đập liên hợp, 50 máy cuốn rơm... đã rút ngắn thời vụ gieo sạ và thu hoạch tập trung tránh né thời tiết bất lợi, tiết kiệm chi phí, hiệu quả sản xuất cao hơn. Ngoài ra, sau khi xong thời vụ nông dân đưa máy móc đến các tỉnh phía Nam và phía Bắc tổ chức các dịch vụ thu hoạch, cuốn rơm... để tăng thu nhập.

* Về mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch:

- Có hợp đồng thu mua sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông thôn với doanh nghiệp, thời gian thực hiện hợp đồng ổn định từ 02 năm trở lên:

Trên địa bàn huyện được UBND tỉnh phê duyệt 4 Dự án cánh đồng lớn cho cây lúa, 03 cánh đồng liên kết sản xuất lúa giống với tổng diện tích canh tác 750 ha, có 12/14 HTXNN ký kết hợp đồng liên kết sản xuất giống với các công ty, tập đoàn sản xuất giống như: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Seed, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Seed, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ, Công ty Vật tư nông nghiệp An Giang, Công ty Giống cây trồng Miền Nam hàng năm liên kết sản xuất giống trên 1.200 ha áp dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, gắn với sản xuất theo chuỗi giá trị bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế, thu nhập tăng thêm trên 12 triệu đồng/ha góp phần ổn định sản xuất bền vững cho nông dân.

- Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn, kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng

nông sản theo yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp cho nông dân:

+ Trên lĩnh vực trồng trọt: Tuy Phước là huyện trọng điểm lúa của tỉnh, thế mạnh trong trồng trọt liên kết sản xuất lúa giống, lúa hàng hóa chất lượng cao. Vì vậy trong thời gian qua huyện tập trung chỉ đạo chuyển đổi 100% diện tích từ sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm, sử dụng giống lúa xác nhận, nguyên chủng đạt gần 100%. Đồng thời, hàng năm đưa các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất như: BC15, Đài thơm 8..., ứng dụng các quy trình sản xuất tiên tiến SRI, ICM, chương trình 3 giảm-3 tăng đã mang lại hiệu quả đột phá bước đầu, năng suất lúa và các loại cây trồng tăng, ổn định về năng suất, chất lượng. Đã hình thành và nhân rộng 65 cánh đồng lớn, cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng liên kết, sản xuất lúa giống, lúa thương phẩm với diện tích 2.700 ha. Thực hiện các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hàng năm cung ứng cho các công ty tham gia liên kết từ 5.000-7.000 tấn lúa giống, lợi nhuận do chênh lệch giá từ 10 tỷ -12 tỷ đồng.

+ Đối với cây ngô, lạc: Quy hoạch đến năm 2020 và triển khai thực hiện quy hoạch với diện tích cây ngô 450 ha tập trung 3 xã. Cây lạc 350 ha tập trung ở những vùng đất cát pha, có điều kiện thâm canh, luân canh, xen canh lạc với một số cây trồng khác; đồng thời chuyển một phần diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả có điều kiện phù hợp sang trồng lạc nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa. Đẩy mạnh sử dụng các giống mới có năng suất chất lượng cao để nâng cao hiệu quả trong sản xuất.

+ Đối với rau, màu các loại quy hoạch 700 ha, đã thành lập 10 nhóm nông dân sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP với quy mô 13,4 ha; liên kết giữa HTXNN Phước Hiệp với nông dân các nhóm trong sản xuất tiêu thụ rau an toàn, sản lượng nhập vào nhà sơ chế hàng năm trên 150 tấn, lợi nhuận đạt từ 50 - 75 triệu đồng/năm. Hướng đến thành lập HTX rau an toàn Phước Hiệp.

+ Về nuôi trồng thủy sản: Có bước phát triển khá, sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản đến năm 2020 là 6.190 tấn, tăng 0,92% so với năm 2015. Đã tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, ổn định diện tích nuôi bán thâm canh, đa dạng các phương thức nuôi gắn với bảo vệ môi trường trên diện tích nuôi quảng canh cải tiến, thả giống đúng lịch thời vụ, đúng quy trình phòng chống dịch bệnh thủy sản. Xây dựng và thực hiện thành công 3 mô hình nuôi thủy sản theo hướng an toàn sinh học, đạt hiệu quả kinh tế: Mô hình nuôi tôm sú kết hợp với cá chua quy mô 19,5 ha/15 hộ ở xã Phước Sơn; nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp cá rô phi quy mô 23,5 ha/40 hộ ở xã Phước Thắng; nuôi cua xanh thương phẩm quy mô 0,5 ha/01 hộ ở xã Phước Thuận, sản lượng đạt 1.000 kg, lợi nhuận 30 triệu đồng/5 tháng nuôi. Về khai thác thủy: Toàn huyện hiện có 503 chiếc tàu có công suất từ 20 đến dưới 45 cv, ngư dân khai thác chủ yếu gần bờ, sản lượng ước đạt 3.900 tấn.

+ Đối với ngành chăn nuôi: Về thực hiện đề án “Phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao” từ 2016-2019 đã tổ chức phối giống đạt 27.616 con, bê lai ra đời 24.237 con, ước đạt hiệu quả kinh tế trên 149 tỷ đồng. Trong đó, mô hình

nuôi bò thịt chất lượng cao và chăn nuôi vỗ béo bò của hàng ngàn hộ gia đình, với số lượng trên 3.000 con bò (giống Brahman, Red angus, BBB), bình quân tăng trọng 24 kg/tháng, lợi nhuận đạt bình quân 8-10 triệu đồng/con/năm. Tái cơ cấu lại ngành chăn nuôi, phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại gắn với thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống dịch bệnh; thông qua chương trình khuyến nông đã chuyển giao các giống mới có năng suất cao, các kỹ thuật mới hướng đến chăn nuôi sạch, giảm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi để đảm bảo an toàn cho vật nuôi, người nuôi và cộng đồng. Đồng thời, tăng tính an toàn của thực phẩm thông qua việc tăng cường công tác quản lý đàn, về thú y, về chăm sóc nuôi dưỡng... hạn chế tối đa các tác nhân sinh học, hóa học và con người ảnh hưởng đến vật nuôi, giảm việc sử dụng các chất có tính gây hại cho người sử dụng do tồn dư trong thịt. Trên địa bàn huyện đàn gia cầm phát triển ngày càng nhiều, chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, Công ty Giống gia cầm Minh Du với hình thức chăn nuôi tự động, giám sát dịch bệnh, chặt chẽ đã cung ứng con giống ra thị trường đến năm 2021 đạt 100 triệu con gà giống mỗi năm cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu đã tác động tích cực cho việc phát triển đàn gia cầm tại địa phương. Đến nay, đàn bò 16.100 con (kế hoạch 16.000 con), bò lai trên 80% tổng đàn (kế hoạch 78%); đàn trâu 1.300 con; đàn lợn 30.000 con (kế hoạch 55.000); đàn gia cầm 1,75 triệu con (kế hoạch 1,7 triệu con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 9.700 tấn (kế hoạch 13.000 tấn).

c) Đánh giá: Huyện Tuy Phước đạt tiêu chí số 6 - Sản xuất

3.4.7. Tiêu chí số 7: Môi trường

a) Yêu cầu:

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.
- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

b) Kết quả thực hiện:

**Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn:*

- Về ban hành đề án thu gom, quản lý chất thải rắn:

UBND huyện đã ban hành Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cộng đồng dân cư khu vực nông thôn trên địa bàn huyện Tuy Phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 23/5/2014.

- Về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt:

+ 100% các xã, thị trấn đều có dịch vụ thu gom rác thải. UBND các xã, thị trấn đều ban hành đề án thu gom, xử lý rác thải; thành lập 101 tổ, đội thu gom rác thải. Toàn huyện có tổng số 182 Tổ tự quản các tuyến đường tự quản, đảm bảo xanh, sạch, đẹp.

+ Lượng rác thải phát sinh trên toàn địa bàn huyện khoảng 92 tấn/ngày. Rác thải trên toàn địa bàn huyện được tổ chức thu gom khoảng 54 tấn/ngày, với 24.268/53.507 hộ được thu gom rác thải, đạt tỷ lệ 45,35% (tăng 37,51% so với năm 2011); số hộ dân cam kết tự xử lý là 15.913/53.507 hộ, đạt 34,76%. 2 đơn

vị thực hiện công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện gồm Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước và Công ty TNHH XD&PTĐT Thiên Hương. Các đơn vị này thu gom và vận chuyển rác thải đến xử lý tại Bãi chôn lấp chất thải rắn Long Mỹ, TP Quy Nhơn đảm bảo quy định.

+ Trang thiết bị phục vụ cho quá trình thu gom, vận chuyển rác thải gồm 05 xe ép rác chuyên dụng (trong đó: Ban Quản lý NS&VSMT huyện 04 chiếc và Công ty TNHH XD&PTĐT Thiên Hương 1 chiếc) và 420 xe đẩy tay.

+ Đối với rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình ở những khu vực dân cư không thể tổ chức thu gom, UBND các xã hướng dẫn hộ dân xây dựng bể phân loại rác thải tại nguồn (hữu cơ, vô cơ), định kỳ thu gom rác thải vô cơ đưa đến địa điểm tập kết; sau đó được đơn vị có chức năng tổ chức thu gom rác vô cơ không thể tái chế đưa đến bãi rác xử lý theo quy định.

- Về thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp: Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn đều tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sản xuất hoặc ký kết hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường theo đúng quy định.

- Về thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp:

Chất thải rắn nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng. Chất thải từ chăn nuôi gia súc được các hộ gia đình thu gom và ủ phân để trồng trọt.

- Về thu gom, xử lý chất thải nguy hại:

+ Trong hoạt động sản xuất kinh doanh: Các cơ sở phát sinh chất thải nguy hại đều thu gom, phân loại và ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định. Tổng lượng chất thải nguy hại công nghiệp được chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý trong năm 2020 là 10.534,3 kg.

+ Trong hoạt động nông nghiệp: bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thu gom đúng quy định trong các bể chứa và kho lưu chứa tập trung tại từng xã. UBND các xã đã ký hợp đồng và chuyển giao chất thải này cho đơn vị chức năng theo quy định. Trong năm 2020, tổng lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên toàn huyện đã được ký hợp đồng và chuyển giao cho đơn vị chức năng (Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh) là 1.737 kg.

- Về thu gom, xử lý chất thải y tế: Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở: 01 Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước (bệnh viện đa khoa), 13 trạm y tế, 01 phòng khám đa khoa khu vực Phước Hòa, phòng khám đa khoa tư nhân được thu gom và chuyển giao cho Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh đúng quy định, khối lượng xử lý trong năm 2020 là 4.922,5 kg.

* Các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

- Về cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện là 385 cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường. Đến nay 385/385 cơ sở (đạt tỷ lệ 100%) có

có hồ sơ môi trường được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trong đó có 26 cơ sở được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Các cơ sở này đều đã thực hiện xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Đối với 359 cơ sở cấp huyện, đã có xác nhận kế hoạch/cam kết bảo vệ môi trường. Theo báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, các cơ sở đều có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo môi trường.

Cụm công nghiệp Phước An đã có Báo cáo đánh giá tác động môi trường và đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đúng quy định.

02 làng nghề (làng nghề Bánh tráng Kim Tây và làng nghề Trồng hoa Bình Lâm tại xã Phước Hòa) đều có hồ sơ môi trường và xử lý chất thải theo quy định.

- Đối với các cơ sở chăn nuôi:

Tại các xã có 5.483 hộ chăn nuôi, chủ yếu chăn nuôi hộ gia đình, có quy mô nhỏ; có 23 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường và được cấp có thẩm quyền xác nhận hồ sơ môi trường, trong đó có 01 đơn vị chăn nuôi tập trung quy mô lớn đã có Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trên địa bàn huyện có 5.040/5.483 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ 91,92% (tăng 37,72% so với năm 2011). Các hộ chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi đã xử lý chất thải thông qua các công trình biogas, đệm lót sinh học, bể lắng, bể tự hoại, đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

c) Đánh giá: Huyện Tuy Phước đạt tiêu chí số 7 - Môi trường

3.4.8. Tiêu chí số 8: An ninh, trật tự xã hội

a) Yêu cầu: Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

b) Kết quả thực hiện:

Thực hiện Chương trình hành động số 05-Ctr/TU của Tỉnh ủy về “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 -2015, tầm nhìn đến năm 2020”; Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 về việc ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020, trên địa bàn tỉnh của UBND tỉnh phê duyệt huyện Tuy Phước phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 huyện ủy, UBND huyện đã xây dựng nhiều Nghị quyết, chương trình, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, như: Chương trình hành động số 02-Ctr/HU ngày 06/6/2016 của Huyện ủy về xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020; Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 31/12/2019 của Huyện ủy về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng – an ninh, xây dựng hệ thống chính trị năm 2020; Kế hoạch số 99-KH/HU ngày 10/01/2020 của Huyện ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 58-CT/TU ngày 13/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIX) về thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh 2020; Kế hoạch số 12/KH-UBND-m ngày 09/5/2019 của UBND huyện về phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng năm 2019; Kế hoạch số 17/KH-UBND-m ngày 08/5/2019 của UBND huyện về phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh

quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng năm 2020 trên địa bàn huyện Tuy Phước; Kế hoạch số 630/KH-BCĐ ngày 23/4/2020 của Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc huyện về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2020; Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020. Qua đó, Công an huyện đã xây dựng và triển khai có hiệu quả nhiều Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Huyện ủy, UBND huyện và Công an tỉnh, từ đó tình hình ANTT trên địa bàn huyện được đảm bảo.

Trong những năm qua, tình hình ANCT luôn được giữ vững, ổn định, không để xảy ra sự kiện đột xuất, bất ngờ. - Công an huyện luôn xác định công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm là một nhiệm vụ trọng tâm, qua đó góp phần giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Công an huyện đã chủ động tham mưu Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo 138 huyện tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm; xây dựng các kế hoạch cụ thể trong việc phối hợp, triển khai đến các đoàn thể, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn ANTT. Bên cạnh đó, Công an huyện đặc biệt chú trọng đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị tham gia đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm. Chỉ đạo Công an các xã, thị trấn phối hợp hiệu quả với Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ cơ sở đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao tinh thần cảnh giác, nhận thức của quần chúng nhân dân, không để tội phạm lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội, từ làm tốt công tác phòng ngừa từ cơ sở nên những năm qua tình hình ANTT trên địa bàn được đảm bảo. Tình hình phạm pháp trên địa bàn huyện năm 2012 giảm 07 vụ so với năm 2011 (154/161); năm 2013 giảm 31 vụ so với năm 2012 (123/154); năm 2014 giảm 32 vụ so với năm 2013 (91/123); năm 2015 tăng 13 vụ so với năm 2014 (104/91); năm 2016 giảm 01 vụ so với năm 2015 (103/104); năm 2017 giảm 23 vụ so với năm 2016 (80/103); năm 2018 giảm 16 vụ so với năm 2017 (64/80); năm 2019 tăng 11 vụ so với năm 2018 (75/64); trong 8 tháng đầu năm 2020 xảy ra 42 vụ.

Hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự được tăng cường, nhất là trật tự, an toàn giao thông, trật tự công cộng luôn được đảm bảo tốt, tai nạn giao thông được kiềm chế và giảm dần. Điển hình trong năm 2012 tai nạn giao thông so với năm 2011 giảm 27,87% số vụ (44/61); năm 2013 tai nạn giao thông so với năm 2012 giảm 11,36% số vụ (39/44); năm 2014 tai nạn giao thông so với năm 2013 giảm 23,08% số vụ (30/39); năm 2015 tai nạn giao thông so với năm 2014 giảm 3% số vụ (27/30); năm 2016 tai nạn giao thông so với năm 2015 giảm 22,22% số vụ (21/27); năm 2017 tai nạn giao thông so với năm 2016 tăng 23,81% số vụ (26/21); năm 2018 tai nạn giao thông so với năm 2017 giảm 11,54% số vụ (23/26); năm 2019 tai nạn giao thông so với năm 2018 giảm 43,48% số vụ (13/23); trong 8 tháng đầu năm 2020 xảy ra 11 vụ. Trong năm 2020 trên địa bàn huyện không để xảy ra khiếu kiện đông người, vượt cấp trái

pháp luật. Tình hình tranh chấp, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân tuy có xảy ra một số vụ việc nhỏ lẻ nhưng đã được giải quyết dứt điểm. Tình hình hoạt động của các loại tội phạm cơ bản được kiềm chế, đẩy lùi; làm tốt công tác chủ động phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các loại tội phạm; không có tụ điểm phức tạp về TTXH; công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ thường xuyên được đổi mới góp phần đảm bảo ANTT trên địa bàn.

Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ ANTQ đã thu được những thành tựu hết sức quan trọng trong công tác phòng, chống tội phạm, giữ vững ANTT, ngày càng xuất hiện nhiều mô hình hay như: Mô hình “ Dòng tộc họ không có tội phạm và tệ nạn xã hội”, “Giáo họ không có tội phạm và tệ nạn xã hội”, “Giáo xứ họ không có tội phạm và tệ nạn xã hội”, “Trường học không có tội phạm và tệ nạn xã hội”, “Tự phòng, tự quản về ANTT”, “Camera an ninh”, “Tiếng mõ an ninh”, “Xóm bình yên, gia đình hòa thuận”, “Ánh sáng an ninh”, “Khu dân cư tự quản về ANTT”, “Tổ ANND tự quản”. Hiện nay, đang hoạt động 65 mô hình; nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phòng chống tội phạm, hàng năm có hơn 5 lượt tập thể, 10 lượt cá nhân được các cấp tặng giấy khen. Quần chúng Nhân dân đã tự giác, tích cực tham gia công tác phòng chống tội phạm, hàng năm đã cung cấp cho lực lượng Công an hàng trăm tin báo tố giác tội phạm, giúp cho lực lượng Công an khám phá nhiều vụ phạm tội, bắt hàng chục đối tượng truy nã, có cả những đối tượng truy nã đặc biệt nguy hiểm. Từ đó tạo nên phong trào có sức lan tỏa mạnh mẽ, lên án gay gắt đối với các loại tội phạm.

Với những thành tích trên, trong những năm qua Công an huyện luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn, phục vụ đắc lực phát triển kinh tế - xã hội huyện nhà. Nhiều năm Công an huyện đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Đơn vị Quyết thắng”.

Lực lượng vũ trang huyện tăng cường xây dựng chính quy, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện với nhiều giải pháp thiết thực, hiệu quả. Tổ chức tập huấn, huấn luyện các đối tượng đúng, đủ nội dung, thời gian, thành phần, quân số quy định; các nội dung huấn luyện đạt yêu cầu 100%, có 75% khá, giỏi trở lên, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, vũ khí trang bị.

c) Đánh giá: Huyện Tuy Phước đạt tiêu chí số 8 - An ninh, trật tự xã hội

3.4.9. Tiêu chí số 9: Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

a) Yêu cầu:

- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

b) Kết quả thực hiện:

* *Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện:*

- Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2011-2020 được thành lập theo Quyết định số 2096/QĐ-

CTUBND ngày 05/10/2010 của Chủ tịch UBND huyện do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng Ban chỉ đạo và luôn được kiện toàn hằng năm, cụ thể:

+ Năm 2011: Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện được kiện toàn tại Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 27/9/2011.

+ Năm 2013: Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện được kiện toàn tại Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 03/06/2013 và tại Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 29/10/2013.

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện luôn được kiện toàn hằng năm, Ban Chỉ đạo nông thôn mới huyện có 35 thành viên, đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng Ban; Ban chỉ đạo huyện hoạt động theo Quy chế làm việc, mỗi thành viên được phân công địa bàn phụ trách và nhiệm vụ cụ thể.

+ Năm 2016: Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện được kiện toàn tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2016.

+ Năm 2018: Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện được kiện toàn tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 31/01/2018.

+ Năm 2020: Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện được kiện toàn tại Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 và tại Quyết định số 6295/QĐ-UBND ngày 07/9/2020.

- Trên cơ sở được phân công phụ trách tiêu chí các thành viên Ban Chỉ đạo huyện chủ động xây dựng kế hoạch và tập trung hướng dẫn UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện một cách hiệu quả theo kế hoạch chung của huyện; thường xuyên kiểm tra, rà soát, xác định mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí, đánh giá tình hình tại các xã và kịp thời tham mưu Ban Chỉ đạo huyện chỉ đạo các ngành hỗ trợ thực hiện để hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới. Trong quá trình thực hiện, Ban chỉ đạo đã tham mưu Huyện ủy, HĐND, UBND huyện ban hành các cơ chế thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, không để xảy ra tình trạng huy động quá sức dân và nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo UBND các xã đạt chuẩn nông thôn mới rà soát, điều chỉnh, bổ sung Đề án và xây dựng kế hoạch giữ vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt được theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao. Trong những năm qua, Ban chỉ đạo huyện đã làm tốt công tác tham mưu trong chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình kịp thời, hiệu quả, đảm bảo hoạt động đúng quy định.

** Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện (Văn phòng nông thôn mới huyện):*

- Văn phòng nông thôn mới huyện được thành lập tại Quyết định số 5480/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 và được kiện toàn theo Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện gồm 19 đồng chí (01 đồng chí chuyên trách, 18 đồng chí kiêm nhiệm); đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh Văn phòng và đồng chí Trưởng phòng Nông nghiệp làm Phó Văn phòng thường trực.

- Văn phòng nông thôn mới huyện đã thực hiện tốt các nhiệm vụ: Tham mưu xây dựng quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo huyện. Xây dựng chương trình, kế hoạch hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp, nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện. Chuẩn bị nội dung, chương trình hội nghị, hội thảo và các báo cáo theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và những kiến nghị, đề xuất, biện pháp giải quyết các vấn đề phát sinh; đồng thời thực hiện tốt các nhiệm vụ khác theo phân công. Hoạt động của Văn phòng nông thôn mới huyện luôn đảm bảo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

c) *Đánh giá:* Huyện Tuy Phước đạt tiêu chí số 9 - Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

3.5. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới đến 30/10/2020:

- Nợ đọng xây dựng cơ bản dự án hoàn thành thủ tục nghiệm thu khối lượng đến hết ngày 31/12/2015: 0 đồng.

- Nợ đọng xây dựng cơ bản dự án hoàn thành thủ tục nghiệm thu khối lượng phát sinh sau 31/12/2015 (tính đến 30/10/2020): 0 đồng.

- Kinh phí chưa thanh toán của các dự án, công trình theo kế hoạch thực hiện của năm 2020 sẽ thanh quyết toán đến ngày 31/12/2020 và năm 2021 là: 334.097 triệu đồng (trong đó: các công trình do UBND huyện làm chủ đầu tư là 96.134 triệu đồng, công trình do cấp xã làm chủ đầu tư: 238.773 triệu đồng). Đây là những công trình, dự án thuộc chương trình MTQG xây dựng NTM mới được khởi công trong năm 2020 và đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, trong đó có bố trí cân đối nguồn lực thực hiện trong 02 năm 2020 - 2021.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Tuy Phước đầy đủ, đạt yêu cầu so với quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Về số xã đạt chuẩn nông thôn mới: có 11/11 xã (đạt 100%) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới: Huyện Tuy Phước đã đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới đến 30/10/2020: Huyện Tuy Phước không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. CÁC NHIỆM VỤ HUYỆN TUY PHƯỚC CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với quan điểm xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc nhằm nâng cao chất lượng sống cho người dân. Thời gian tới, huyện Tuy Phước cần tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của cả hệ thống chính trị, nhà nước đóng vai trò định hướng, hỗ trợ, người dân là chủ thể; quán triệt đầy đủ, nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo của Đảng, nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là Chương trình nông thôn mới; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động các nguồn lực để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới cấp xã, cấp huyện, hướng tới xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, gắn với Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”; tập trung các giải pháp phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; không ngừng củng cố hệ thống chính trị, giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng môi trường cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp.

1. Nhiệm vụ chung

- Duy trì, giữ vững các tiêu chí nông thôn mới, tập trung thực hiện nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Chú trọng các hoạt động an sinh xã hội: Y tế, giáo dục, văn hóa; thực hiện tốt phong trào xây dựng huyện sáng, xanh, sạch, đẹp..., đảm bảo Chương trình nông thôn mới trên địa bàn luôn phát triển ổn định và bền vững. Phấn đấu đến năm 2025, có 8/11 xã trên địa bàn huyện đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và 02 xã đạt tiêu chí xã kiểu mẫu của tỉnh, trong đó cụ thể:

+ Năm 2021: 01 xã Phước Sơn đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

+ Năm 2022: 02 xã Phước Hưng và Phước Lộc đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; Năm 2023: 02 xã Phước Sơn và Phước Hưng đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Năm 2024: 02 xã Phước Quang và Phước Hòa đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; Năm 2025: 03 xã Phước Thành, Phước Nghĩa và Phước Hiệp đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao.

- Để hoàn thành mục tiêu trên, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, chất lượng các phong trào thi đua xây dựng NTM. Lựa chọn nội dung nhiệm vụ ưu tiên, tập trung chỉ đạo và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện, chú trọng phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, bảo đảm kết nối nông thôn – đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp - an toàn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn; giữ gìn an ninh trật tự xã hội và quốc phòng trên địa bàn nông thôn.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững. Kiện toàn bộ máy tổ chức thực hiện Chương trình ở các cấp (huyện, xã); nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp (huyện, xã) ngày càng chuyên nghiệp; ưu tiên bố trí đủ

người có tâm huyết, đủ năng lực cho bộ máy tham mưu về NTM. Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện chương trình, vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng NTM theo nguyên tắc tự nguyện cho từng công trình, dự án.

- Phát triển nông thôn gắn chặt với triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn. Tập trung xây dựng, hình thành nhiều chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nhất là đối với các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của huyện, góp phần nâng cao thu nhập người dân nông thôn, thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững. Phân đầu đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người toàn huyện đạt 60 - 65 triệu đồng/người/năm.

2. Nhiệm vụ cụ thể:

Căn cứ mục tiêu đề ra, huyện Tuy Phước đề ra một số nội dung, giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới. Chỉ đạo các xã tổ chức rà soát, đánh giá lại các tiêu chí để luôn phải có giải pháp nâng cao đạt chuẩn các tiêu chí; tập trung phát triển sản xuất; tập trung xây dựng xã Phước Hưng, Phước Lộc, Phước Sơn hoàn thành xã nông thôn mới nâng cao, trong đó phải có ít nhất 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu; các xã còn lại tiếp tục nâng cao đạt chuẩn hoàn thành đạt chuẩn xã nâng cao vào năm 2025.

2.1. Về Quy hoạch

Trên cơ sở quy hoạch chung của huyện và các quy hoạch chi tiết, quy hoạch ngành đã được phê duyệt, tiếp tục rà soát, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với từng xã và trên địa bàn toàn huyện. Công bố, công khai quy hoạch một cách rộng rãi để Nhân dân biết và tập trung quản lý, tổ chức thực hiện hiệu quả; thường xuyên kiểm tra và xử lý các vi phạm về quản lý quy hoạch và thực hiện tốt quy chế quản lý quy hoạch đã được phê duyệt.

2.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội

- **Giao thông:** Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn, nhất là đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng. Phân đầu đến năm 2025: Đường trục thôn đạt 100% trong đó được nhựa hóa hoặc bê tông; đường ngõ xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%; đường trục chính nội đồng có tỷ lệ bê tông hóa đạt trên 70%, phần còn lại cứng hóa đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện 100%. Các tuyến đường trục chính trong khu dân cư đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp.

- **Thủy lợi:** Xây dựng hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh. Đến năm 2025, phân đầu 90% kênh mương chính nội đồng và mương nhánh được kiên cố hóa. Rà soát chủ động nạo vét kênh mương thủy lợi, tu sửa, nâng cấp các trạm bơm..., đồng thời quan tâm nâng cấp các hồ đập khác nhằm đáp ứng tưới và tiêu chủ động.

- **Điện nông thôn:** Tiếp tục nâng cấp, chỉnh trang hệ thống điện đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn huyện. Thường xuyên kiểm tra, bổ sung, nâng cấp hệ thống trạm biến áp và đường dây, phân đầu hệ thống điện toàn huyện đảm bảo gọn

gàng, mỹ quan, an toàn. Xây dựng hoàn thiện hệ thống điện đến các khu chăn nuôi, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mở mới trên địa bàn.

- **Trường học:** Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn, đồng thời nâng cao số trường đạt chuẩn trên địa bàn huyện đạt 100%. Nâng cao chất lượng dạy học. Quan tâm công tác tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường các trường học, giữ vững nề nếp trong giảng dạy và học tập.

2.3. Văn hóa, y tế, giáo dục và môi trường

- Văn hóa:

Tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới - đô thị văn minh”; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các thôn cho phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể. Đưa vào sử dụng, quản lý hiệu quả trung tâm vui chơi giải trí văn hóa - thể thao huyện đem lại các dịch vụ chất lượng cho người dân trên địa bàn.

- **Giáo dục - Đào tạo:** Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo và kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn hoá cơ sở vật chất trường học... góp phần đáp ứng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao thuộc lĩnh vực giáo dục. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở 100% số xã, thị trấn. Duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10, trung học phổ thông, bổ túc đảm bảo đạt tỷ lệ theo quy định của tiêu chí nông thôn mới; nâng cấp cơ sở vật chất trường học đảm bảo tốt yêu cầu dạy và học, tiếp tục chỉnh trang khuôn viên các trường học bằng cách tạo không gian, cảnh quan, môi trường sư phạm xanh - sạch - đẹp - an toàn.

- **Y tế:** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của tuyến xã đảm bảo kế hoạch, theo đúng tiến độ, đạt hiệu quả. Duy trì, giữ vững 100% xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã; 100% Trạm Y tế xã, thị trấn có Bác sỹ khám chữa bệnh. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ, kỷ cương, đạo đức công vụ, và cam kết đổi mới tinh thần thái độ phục vụ người bệnh, xây dựng các cơ sở khám, chữa bệnh xanh, sạch, đẹp hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở từ huyện đến xã, thị trấn. Thực hiện đầy đủ các chức năng về y tế dự phòng, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của Bộ Y tế. Tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn huyện; nhằm thực hiện và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

- Môi trường và an toàn thực phẩm

Nâng cao chất lượng môi trường nông thôn: Đẩy mạnh đầu tư hệ thống điện chiếu sáng, trồng cây, hoa, đảm bảo vệ sinh hai bên đường giao thông, (phát động nhân rộng mô hình ánh sáng trường học) và thực hiện mô hình tuyến đường tự quản.

Hoàn thiện hệ thống tổ chức thu gom, xử lý rác thải, chất thải phù hợp, hiệu quả đối với từng khu vực, khu vực đông dân cư, khu dân cư phân tán, cụm công nghiệp, khu chăn nuôi, và thực hiện đồng bộ các biện pháp về phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Tăng kinh phí cho hoạt động quản lý, thu gom, xử lý rác thải. Tăng cường việc thu phí rác thải của các hộ dân tham gia dịch vụ thu gom rác thải. Tăng cường kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Thành lập, duy trì tổ, đội thu gom rác thải ở từng thôn và quản lý bảo vệ môi trường theo phương thức tự quản, tập trung các xã khu Đông (Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Thắng) phải khẩn trương thực hiện vấn đề này; thường xuyên thực hiện việc khơi thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ ở khu vực công cộng, thu gom về nơi quy định để xử lý.

Tập trung triển khai kế hoạch đầu tư các trạm điểm cấp nước sạch tập trung trên địa bàn huyện đảm bảo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành để phục vụ cho Nhân dân phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch tập trung trên 90%. Hiện nay, UBND tỉnh đã phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1) tại Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 trong đó đặt nhà máy xử lý nước tại xã Phước Lộc (công suất giai đoạn 01 là 30.000 m³/ngày đêm).

Chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện xây dựng chuyên mục phát thanh hàng ngày trên hệ thống loa đài phát thanh từ huyện đến cơ sở về bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng, cần nêu rõ hành vi vi phạm và mức phạt để các tổ chức, đơn vị, cá nhân biết, nâng cao ý thức chấp hành.

Chỉ đạo Trưởng ban Ban Quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện tiếp tục nâng cao năng lực thu gom rác thải đáp ứng nhu cầu của nhân dân; chú trọng xây dựng phương án mở rộng địa bàn thu gom rác thải trên địa bàn huyện.

Chỉ đạo Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức cộng đồng giữ gìn vệ sinh chung, bảo vệ môi trường, thực hiện giải pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại hộ gia đình, cộng đồng và nơi công cộng một cách thường xuyên, liên tục để tạo thành thói quen. Đồng thời, thực hiện một số nội dung sau:

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền trực quan như cấm biển panô, biểu ngữ... Ra quân thu dọn điểm phát sinh rác thải kéo dài;

Chỉ đạo UBND xã, thị trấn phối hợp hội, đoàn thể xã vận động hộ gia đình, cá nhân tham gia ký cam kết, đóng phí bảo vệ môi trường và thu gom, xử lý rác thải theo quy định;

Bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời, trong thời gian chờ xe chuyên dùng đến thu gom, xử lý theo quy định. Tiếp tục đầu tư mua sắm phương tiện xe, thùng đựng rác đặt tại các điểm công cộng và nơi thường xuyên có phát sinh rác thải...

Lập thủ tục xử lý vi phạm đối với những trường hợp vứt rác, xả chất thải ra môi trường xung quanh theo quy định để răn đe;

Chỉ đạo Trưởng Công an xã thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước về môi trường, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ môi trường; thú y trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tuy Phước:

Tổ chức tuần tra, trích xuất hình ảnh camera và tiến hành lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo quy định hiện hành để răn đe, giáo dục người dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường.

Kêu gọi, khuyến khích vận động nhân dân và các thành phần kinh tế cùng đóng góp đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn, theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân, doanh nghiệp cùng làm”.

2.4. Kinh tế và tổ chức sản xuất

Triển khai hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng các vùng sản xuất tập trung theo hướng thâm canh; khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản với các mặt hàng chủ lực: Lúa, rau, bò thịt, gà ứng dụng công nghệ cao.

2.5. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự

- Làm tốt công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để xảy ra tình trạng khiếu nại tố cáo kéo dài, hình thành điểm nóng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, đối tượng phản động; chú trọng thực hiện quyền tiếp cận của người dân và đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân đề cao cảnh giác, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Thường xuyên mở và thực hiện hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, kiềm chế sự gia tăng các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự tại cơ sở.

- Tăng cường công tác nắm tình hình an ninh nông thôn kịp thời tham mưu cho cấp ủy chính quyền địa phương giải quyết dứt điểm những tranh chấp, khiếu kiện trong nhân dân, không để phát sinh phức tạp kéo dài trở thành "Điểm nóng".

- Tiếp tục tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác bảo vệ Biển Đông để cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân nắm, hiểu rõ và nâng cao cảnh giác, không để kẻ địch lôi kéo vào hoạt động biểu tình gây mất AN-TT tại địa phương.

- Thực hiện các quy chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị đã ký kết để thực hiện công tác phòng ngừa, phát hiện đấu tranh các loại tội phạm. Tăng cường công tác nắm tình hình để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành chức năng thực hiện quản lý ngân sách, vốn, quỹ tài sản, thực hiện chế độ thanh quyết toán, quản lý cấp phát sử dụng đúng đối tượng và mục đích đối với các nguồn trợ cấp, viện trợ của Nhà nước, các tổ chức cá nhân khác.

Phối hợp với các ngành và địa phương kiểm tra xử lý kiên quyết, kịp thời các vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

- Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức và tạo sự chuyển biến tích cực trong từng hành động của người dân. Thường xuyên xác định và nêu cao tinh thần “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục, lâu dài và không có điểm dừng”. Vì vậy, cần phải huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, phát huy vai trò người đứng đầu, trách nhiệm của từng đồng chí cán bộ, đảng viên để vận động người dân tích cực tham gia xây dựng phong trào; phát động rộng rãi các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới mang tính thực chất, đi vào chiều sâu, nội dung đa dạng, hình thức phong phú, tạo sự đồng thuận cao và sức lan tỏa, làm thay đổi nhận thức của người dân cùng chung sức xây dựng nông thôn mới, đẩy lùi tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

- Tiếp tục vận động xã hội hóa thực hiện Chương trình trên cơ sở phù hợp với sức dân; khơi dậy, phát huy tính tự giác, tự nguyện của người dân, công khai minh bạch để tạo sự tin tưởng cho các các tổ chức, cá nhân hỗ trợ giám sát thực hiện. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Nhân dân tham gia giám sát quá trình xây dựng nông thôn mới; tham gia bảo quản tốt các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn.

2. Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người dân nông thôn.

- Ưu tiên triển khai lồng ghép tốt các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình nông thôn mới để phát huy hiệu quả đầu tư. Tập trung huy động có hiệu quả nguồn lực từ đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn để lại cho xã đầu tư thực hiện nông thôn mới. Chủ động cân đối, bố trí lồng ghép, huy động mọi nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ, nội dung xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên hỗ trợ thực hiện các tiêu chí có thể tạo nên sự phát triển đột phá với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, trọng tâm là cơ sở hạ tầng sản xuất. Bên cạnh đó, cần tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình theo kế hoạch hàng năm; đảm bảo việc đầu tư hiệu quả, đúng trọng tâm theo lộ trình đã đề ra trong Đề án xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục kêu gọi, thu hút đầu tư sản xuất trên địa bàn, các cơ quan chuyên môn cùng đồng hành với doanh nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi khi đầu tư trên địa bàn; hướng dẫn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa cho người dân và các tổ chức kinh tế vay vốn tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn của

Trung ương, tỉnh. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý, giữa các doanh nghiệp và ngân hàng, nhất là trong việc xác định những ngành, hàng cần ưu tiên đầu tư vốn; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nâng cao chất lượng của công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Thực hiện xã hội hóa đầu tư các công trình cấp nước sạch, chợ nông thôn, công trình thu gom, xử lý rác thải và một số công trình công ích khác, nhất là đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp. Đẩy mạnh thực hiện chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, liên kết với các xã nông thôn mới theo quy định. Sử dụng có hiệu quả các khoản viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản huy động hợp pháp khác để thực hiện xây dựng nông thôn mới tại cơ sở. Chú trọng phát huy nội lực của cộng đồng dân cư, vận động Nhân dân đóng góp sức người, sức của, hiến vật kiến trúc, cây trồng lâu năm, quyền sử dụng đất ... để góp phần thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình.

- Ưu tiên phát triển ngành nông, lâm, ngư nghiệp gắn với tái cơ cấu ngành đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm nghèo bền vững cho khu vực nông thôn, đồng thời tăng cường thu hút đầu tư trên các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch khu vực nông thôn. Đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ, nhà máy sản xuất, mở rộng các loại hình dịch vụ, chú trọng dịch vụ phục vụ sản xuất, du lịch và đời sống dân sinh; kết hợp du lịch biển, du lịch trải nghiệm nông thôn mới với tham quan các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa. Tạo mối liên kết “4 nhà” trong phát triển sản xuất nông nghiệp: Doanh nghiệp làm “bà đỡ” tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, nhà nước có chính sách khuyến khích tiêu thụ sản phẩm do nông dân làm ra, nhà khoa học tích cực đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để có sản phẩm chất lượng cao tiêu thụ được trên thị trường.

- Tiếp tục dựa trên các giá trị văn hóa truyền thống của quê hương; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống, không làm mất đi các giá trị tốt đẹp văn hóa làng, phát triển kinh tế trên nền tảng của các giá trị văn hóa, để tình làng nghĩa xóm được gắn bó chặt chẽ, xây dựng con người nông thôn mới.

3. Phát triển hạ tầng đô thị, xây dựng đô thị văn minh

Tập trung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đô thị và xây dựng chương trình phát triển đô thị của huyện. Lập kế hoạch thực hiện quy hoạch gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp với điều kiện phát triển. Ưu tiên nguồn lực để tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, đồng thời tích cực thu hút đầu tư phát triển các khu đô thị mới, xây dựng các công trình kiến trúc cảnh quan, không gian công cộng để tạo điểm nhấn và nâng cao chất lượng đô thị. Tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng nếp sống văn hóa văn minh đô thị, huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư vào công tác xây dựng và quản lý, chỉnh trang đô thị, trong đó: Hình thành và phát triển 4 đô thị loại V gồm 2 đô thị hiện hữu (thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì) và 2 đô thị mới là xã Phước Lộc và xã Phước Hòa, mục tiêu cụ thể:

- Cụ thể hoá Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 21/4/2020.

- Về định hướng phát triển không gian vùng để phát triển kinh tế, bao gồm:

+ Lập quy hoạch Tiểu vùng 1 (Tiểu vùng trung tâm): Bao gồm toàn bộ thị trấn Diêu Trì, thị trấn Tuy Phước, một phần các xã Phước An, Phước Lộc, Phước Nghĩa và Phước Thuận. Quy mô diện tích khoảng 2.322 ha. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, dịch vụ - thương mại, dịch vụ logistics, kho tàng, bến bãi gắn với hành lang kinh tế dọc trục đường Quốc lộ 1, Quốc lộ 19 mới.

+ Lập quy hoạch Tiểu vùng 2: Thuộc các xã Phước An, Phước Thành và một phần xã Phước Lộc. Quy mô diện tích khoảng 7.202 ha. Tính chất, chức năng là khu đô thị dịch vụ, thương mại mới hỗ trợ cho đô thị động lực.

+ Lập quy hoạch Tiểu vùng 3: Thuộc các xã Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Hưng, Phước Thắng, Phước Lộc, Phước Nghĩa, Phước Hiệp, Phước Quang. Quy mô diện tích khoảng 12.188 ha. Tính chất, chức năng là khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, khai thác và phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung, du lịch tâm linh, lịch sử văn hóa và khu du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng gắn với không gian đầm Thị Nại.

4. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

Tiếp tục tăng tốc phát triển kinh tế, thông qua chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu ngành; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khu vực nông thôn, gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn; khuyến khích phát triển hệ thống điểm công nghiệp làng nghề gắn với du lịch. Khuyến khích, hỗ trợ đầu tư các làng nghề truyền thống (bánh tráng, làng hoa Bình Lâm, ...) và phát triển ngành nghề mới ở nông thôn, nhất là chế biến nông sản, thủy sản, ưu tiên sử dụng tài nguyên và lao động tại chỗ.

5. Phát triển thương mại dịch vụ và du lịch

- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, gắn đào tạo nghề với chuyển đổi việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Tập trung đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, nâng cấp, củng cố hệ thống chợ theo quy hoạch và lộ trình đã phê duyệt; đảm bảo hệ thống chợ và các cửa hàng đại lý cung cấp hàng hóa đảm bảo chất lượng cho cư dân nông thôn. Xây dựng và phát triển thương hiệu, tôn vinh một số sản phẩm chủ lực, tiêu biểu của địa phương. Tăng cường công tác quản lý thị trường; chống gian lận thương mại, sản xuất và tiêu thụ hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc, bán hàng không niêm yết giá... tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng, bảo vệ quyền lợi của người sản xuất và tiêu dùng.

- Bảo vệ nâng cấp các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và nâng cấp hạ tầng du lịch của toàn huyện, phát huy các di sản phi vật thể ngay trong cộng đồng để bảo tồn phát triển; xây dựng các sản phẩm du lịch kết nối giữa du lịch văn hóa tâm linh, văn hóa phi vật thể với các khu du lịch nghỉ dưỡng, tạo sản phẩm du lịch đặc trưng riêng của Tuy Phước để thu hút du khách.

6. Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Trong đó, hình thành vùng sản xuất tập trung diện tích lớn để kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp nông nghiệp trong và ngoài tỉnh để tạo chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị, trong đó coi doanh nghiệp, hợp tác xã là tác nhân nòng cốt trong việc điều hòa toàn bộ tác nhân trong chuỗi, cụ thể: Thực hiện có hiệu quả các chương trình, Đề án của huyện đã ban hành; phát triển các mô hình kinh tế trang trại... đa dạng hóa các sản phẩm chủ lực, khai thác hiệu quả lợi thế của địa phương...; lựa chọn và phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương để phát triển theo mô hình OCOP (chương trình mỗi xã một sản phẩm).

- Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi, quảng bá tiềm năng lợi thế thu hút con em địa phương xây dựng mô hình, ưu tiên cho các sản phẩm chủ lực có liên kết xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa tập trung liên kết với doanh nghiệp; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất hình thành hợp tác xã, doanh nghiệp để huy động được nhiều người cùng tham gia. Có biện pháp xử lý dứt điểm các dự án treo, chậm triển khai, triển khai không hiệu quả để lựa chọn chủ đầu tư có năng lực thay thế.

- Chỉ đạo quyết liệt, xiết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý nhà nước về giống, vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, quản lý dịch bệnh, kiểm soát giết mổ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Vận động toàn xã hội chung tay đấu tranh có hiệu quả việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi trong sản xuất, hướng tới phát triển nền nông nghiệp an toàn, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng và sức khỏe người dân.

- Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là khâu sản xuất giống, nhất là các loại giống để phát triển sản xuất công nghệ cao, liên kết sản xuất quy mô vừa và nhỏ, phát triển kinh tế nông hộ. Tiếp tục kêu gọi, đầu tư xây dựng các cơ sở cung ứng giống đảm bảo chất lượng cho các mô hình phát triển sản xuất trong huyện và ngoài huyện.

7. Sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

Bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, trước hết là đất đai, nguồn nước. Thực hiện tốt bảo vệ môi trường, khắc phục và xử lý có hiệu quả các cơ sở gây ô nhiễm môi trường đặc biệt tại các vùng sản xuất tập trung và các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản; phân loại rác thải tại hộ gia đình để làm môi trường sạch hơn để người dân có đời sống tinh thần thực sự được nâng cao, đảm bảo chất thải rắn trên địa bàn huyện được thu gom được xử lý đạt 100%.

Tăng cường các hoạt động phát triển môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp, không có các hoạt động suy giảm môi trường. Tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn quan tâm công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo môi trường nông thôn luôn thoáng, sạch sẽ, nước thải và chất thải luôn được thu gom và xử lý theo quy định. Xây dựng và nhân rộng các mô hình khu dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp; Phát động rộng rãi phong trào “nhà sạch - vườn đẹp - môi trường trong lành -

ngõ xóm văn minh”; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc phân loại rác tại nguồn và xử lý rác thải trên toàn huyện đảm bảo hiệu quả, bền vững.

8. Phát triển giáo dục và đào tạo

Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Tranh thủ mọi nguồn lực xã hội, tăng cường xã hội hóa giáo dục để đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường; tạo điều kiện cho tư nhân mở các trường tư thục trên địa bàn huyện, nhất là địa bàn đô thị. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn.

9. Văn hóa, Thông tin và Thể thao

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin truyền thông; nâng cao chất lượng, thông tin tuyên truyền bảo đảm thông tin được đầy đủ, kịp thời, định hướng thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương...

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, các tuyến giao thông liên kết địa điểm du lịch.

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, hỗ trợ phát triển văn hóa truyền thống; tăng cường xã hội hoá xây dựng hạ tầng văn hoá - thể thao: Sân chơi, bãi tập, các thiết chế văn hóa; nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần cho Nhân dân.

- Nâng cao chất lượng các loại hình hoạt động văn hóa - thông tin; phát triển một số điểm vui chơi công cộng, trang bị thêm một số dụng cụ, trang thiết bị cần thiết tại các điểm vui chơi, giải trí, thể thao phục vụ nhân dân. Trang bị đủ máy vi tính về thôn, khối phố để từng bước cải cách hành chính đến tận người dân.

10. Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân

- Bố trí nguồn lực đầu tư y tế, tăng cường xã hội hóa trong lĩnh vực y tế; tăng cường đầu tư mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế; và đội ngũ cán bộ cho tuyến y tế cơ sở.

- Tích cực triển khai lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân theo quy định. Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách theo quy định; phát triển các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế nhất là bảo hiểm y tế hộ gia đình; huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ cho người dân tham gia bảo hiểm y tế, nhất là hộ cận nghèo; vận động học sinh, hộ gia đình có mức sống trung bình mua bảo hiểm y tế, góp phần tăng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế.

11. Trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Triển khai thực hiện các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm đảm bảo tình hình TTATXH trên địa bàn. Kết hợp với phát động sâu rộng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ ANTQ chú ý tầng lớp thanh thiếu niên, học sinh, nâng cao tinh thần cảnh giác, phối hợp giúp đỡ lực lượng Công an trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn xử lý các loại tội phạm hình sự, nhất là tội phạm đánh bạc, trộm cắp, cướp giật tài sản, “tín dụng đen”, tội phạm buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; mua, bán sử dụng pháo trái phép; tội phạm ma túy...

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự không chỉ bằng biện pháp hành chính đơn thuần mà phải chú trọng sử dụng biện pháp nghiệp vụ, tập trung vào các cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ, đòi nợ, bảo vệ, karaoke, cơ sở lưu trú; nghiêm cấm việc tiếp tay, làm ngơ, bao che, bảo kê cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện, nhạy cảm về an ninh, trật tự.

- Tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông, nhất là các hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng và hướng dẫn các cơ sở khắc phục những sơ hở, thiếu sót về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy; thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, nhất là đối với các chợ, rừng. Xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ sâu rộng, gắn với phương châm “bốn tại chỗ”.

12. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước và phát huy vai trò các tổ chức chính trị - xã hội

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, xác định rõ nội dung trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sức chiến đấu và năng lực định hướng của các cấp ủy trong công tác xây dựng Đảng và vận động quần chúng để các tổ chức đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong xây dựng nông thôn mới. Làm tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho đảng viên, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện nêu gương của cán bộ, đảng viên thể hiện vai trò, trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới. Đưa nội dung xây dựng nông thôn mới thành tiêu chí thi đua hằng năm của các đơn vị, địa phương. Mạnh dạn đề bạt, luân chuyển, khen thưởng, phê bình, kiểm điểm, kỷ luật cán bộ, đảng viên một cách kịp thời để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu đề ra.

- Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các Đoàn, tổ công tác chỉ đạo cơ sở; xây dựng chuyên môn, chuyên nghiệp của Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện, cán bộ chuyên trách cấp xã đáp ứng ngày càng cao vai trò điều phối xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh từ huyện đến xã.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung, phương thức hoạt động, vận động hội viên, đoàn viên tham gia tích cực xây dựng thành công huyện nông thôn mới, đô thị văn minh. Phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Phát huy hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, giảm nghèo bền vững.

V. KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào kết quả thực hiện, đối chiếu với quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 19/BC-UBND ngày 04/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về Kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020)./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở NN và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND huyện Tuy Phước;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K19.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THẨM TRA TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	100%	Đạt
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt	Đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%	80%	Đạt
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Đạt	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt